

NHỮNG VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI 2022:
khuôn mẫu xã hội, thái độ và thực tiễn (SNAP) của thế hệ Y
sống tại thành thị ở Indonesia, Phillipines và Việt Nam



NỘI DUNG

GIỚI THIỆU	<u>03</u>
THÔNG TIN CHUYÊN SÂU	<u>06</u>
Những gì bạn thấy có vai trò quan trọng	<u>07</u>
Xu hướng 2018-2022	<u>09</u>
COVID và thể hệ Y ở thành thị	<u>11</u>
Hướng tới bình đẳng trong gia đình	<u>17</u>
Tỷ lệ lãnh đạo và phân chia công việc có xu hướng ổn định hoặc bình đẳng hơn	<u>19</u>
Sử dụng và thái độ đối với làm việc linh hoạt theo giới	
HÀNH ĐỘNG	<u>23</u>
Biết phân khúc của bạn	<u>24</u>
Hỗ trợ những người tiên phong	<u>26</u>
KẾT LUẬN	<u>29</u>
PHƯƠNG PHÁP	<u>32</u>



GIỚI THIỆU

Chương trình "Investing in Women" (IW – tạm dịch là "Đầu tư cho Phụ nữ") đã ủy quyền cho YouGov thực hiện **Khảo sát trực tuyến về các khuôn mẫu xã hội, thái độ và thực tiễn (gọi tắt là SNAP) vào năm 2022** trên 6000 nam giới và phụ nữ thế hệ Y, sống tại thành thị (tuổi từ 18-40) ở các nước Indonesia, Philippines và Việt Nam vào tháng 11/2022.

IW là một sáng kiến của Chính phủ Australia nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng hòa nhập thông qua trao quyền kinh tế cho phụ nữ ở Đông Nam Á. YouGov là một công ty nghiên cứu thị trường toàn cầu cung cấp dữ liệu và phân tích quốc tế, sử dụng thông tin từ 8,4 triệu thành viên khảo sát trực tuyến ở 40 quốc gia trên toàn thế giới.

Chương trình IW tập trung tác động đến các khuôn mẫu giới. Chương trình phối hợp với các đối tác địa phương để tích cực thay đổi thái độ và thực tiễn nhằm hỗ trợ phụ nữ trong thế giới việc làm. Các đối tác tập trung thay đổi 04 khuôn mẫu giới chính:

- khuôn mẫu 1 (Chăm sóc con cái và việc nhà): Quan niệm cho rằng vai trò chính của phụ nữ là người chăm sóc con cái và các thành viên trong gia đình, người nội trợ
- khuôn mẫu 2 (Người trụ cột, mang lại thu nhập chính cho gia đình): Quan niệm cho rằng nam giới có vai trò làm người trụ cột trong gia đình/người kiếm tiền nuôi gia đình
- khuôn mẫu 3 (Phân chia công việc): Những quan niệm cho rằng một số loại công việc cụ thể phù hợp hơn với phụ nữ và những việc khác phù hợp với nam giới, dẫn đến phân chia nghề nghiệp
- khuôn mẫu 4 (Khả năng lãnh đạo): Nhận thức cho rằng phụ nữ phù hợp với vai trò hỗ trợ và nam giới có tố chất lãnh đạo tốt hơn

Khảo sát SNAP 2022 này được xây dựng dựa trên dữ liệu đã được thu thập trong [Khảo sát SNAP 2020](#) và [Khảo sát SNAP 2018](#) và bổ sung các lĩnh vực điều tra cụ thể theo các khuôn mẫu xác định ở trên.



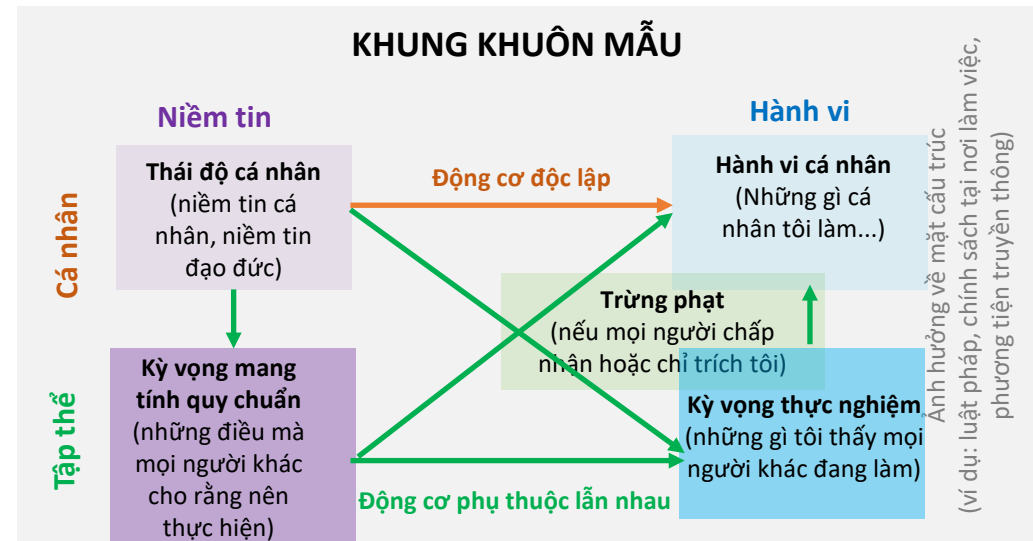
Khảo sát SNAP 2022 tập trung vào 04 khuôn mẫu được liệt kê ở trên và được thiết kế phù hợp với khung khuôn mẫu trong Sơ đồ 1. Những người thuộc thể hệ Y sống tại thành thị được mời trả lời các câu hỏi về thái độ và hành vi cá nhân của chính họ, cũng như thái độ và hành vi tập thể của những người khác mà họ quan sát được.

YouGov đã sử dụng phân tích hồi quy để kiểm tra mối tương quan giữa thái độ và hành vi của tập thể và của cá nhân. Phân tích này cũng tìm kiếm sự khác biệt đáng kể giữa những người có tuổi tác, trình độ học vấn, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, tình trạng có con và trải nghiệm thời thơ ấu khác nhau. Phân tích này còn xác định xu hướng thay đổi thái độ và hành vi so với năm 2018 và 2020.

YouGov cũng phân loại tất cả những người được phỏng vấn thành các nhóm thái độ riêng biệt về vai trò giới dựa trên phân loại bằng phân tích cụm về tất cả những người được phỏng vấn trong SNAP 2020.

Trong suốt báo cáo này, thế hệ Y sống tại thành thị được xác định là:

- **Truyền thống** - nếu họ có xu hướng cho rằng phụ nữ phù hợp làm một số vai trò nhất định, ví dụ: chăm sóc trẻ em, và nam giới phù hợp làm một số vai trò khác như lãnh đạo.
- **Tiến bộ** – nếu có xu hướng ủng hộ sự bình đẳng giữa nam và nữ, chẳng hạn như tin rằng cả nam giới và phụ nữ đều có khả năng chăm sóc và lãnh đạo như nhau, hoặc cởi mở trong việc "chuyển đổi" các vai trò truyền thống, ví dụ: người làm cha đảm nhận việc chăm sóc trẻ em và phụ nữ trong vai trò lãnh đạo.
- **Trung lập** - nếu vừa có một số quan điểm truyền thống vừa có một số quan điểm tiến bộ.



Sơ đồ 1: Khung khuôn mẫu

Hiểu về báo cáo này

Kiểm tra ý nghĩa thống kê

Báo cáo này trình bày các so sánh giữa những đợt khảo sát và giữa các nhóm có cùng lợi ích. Các so sánh được kiểm tra về ý nghĩa thống kê ở khoảng tin cậy 95%. Những phần chú thích cuối trang cho biết nơi tiến hành các bài kiểm tra ý nghĩa thống kê và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào hay không.

Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức độ tin cậy 95% được ghi nhận bằng mũi tên (▲ ▼). Nếu các trang trình bày không có mũi tên mà phần chú thích cuối trang chỉ ra rằng đã kiểm tra ý nghĩa thống kê thì cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các xu hướng hoặc nhóm, kể cả khi phần biểu diễn đồ họa ở trang đó thể hiện sự chênh lệch rõ ràng.

Phân tích hồi quy

Báo cáo này sử dụng phân tích hồi quy để khám phá các yếu tố giải thích dự đoán thái độ và hành vi khuôn mẫu giới, cũng như các yếu tố dự đoán mức độ áp lực về trách nhiệm gia đình và thu nhập mà người trả lời phỏng vấn phải đối mặt trong giai đoạn COVID-19. Các mô hình hồi quy xác định các biến độc lập là dự đoán của biến kết quả ở khoảng tin cậy 95%, sau khi kiểm soát các yếu tố khác. Trong báo cáo, các yếu tố như vậy được gọi bằng các thuật ngữ như "được liên kết", "được liên kết với" và "tương quan" với biến kết quả mong muốn. Các thuật ngữ này được sử dụng thay thế cho nhau.

Phân tích phân khúc

Báo cáo này sử dụng phân tích phân khúc để xác định các nhóm riêng biệt trong mỗi quốc gia và giới dựa trên nhân khẩu học xã hội của họ, bao gồm các đặc điểm như tình trạng có con, việc làm, tuổi tác, giáo dục và tôn giáo, và dựa trên thái độ khuôn mẫu giới của các nhóm này. Các hành vi và thái độ khuôn mẫu giới của mỗi nhóm sau đó được trình bày trên thang điểm từ truyền thống đến tiến bộ. Việc gọi họ là "truyền thống" hay "tiến bộ" dựa trên vị trí tương đối của họ trên các thang điểm này ở mỗi khuôn mẫu trong số 04 khuôn mẫu giới. Báo cáo bao gồm các mô tả về các phân khúc, tần suất, vị trí tương đối của các phân khúc trên phổ thái độ/hành vi và cơ hội thuyết phục hoặc thu hút từng nhóm tham gia.

THÔNG TIN CHUYÊN SÂU



NHỮNG ĐIỀU BẠN THẤY CÓ VAI TRÒ QUAN TRỌNG

Phân tích hồi quy cho thấy các quan sát xã hội đều có vai trò quan trọng đối với thể hệ Y sống tại thành thị.

Những điều bạn thấy trong vòng kết nối xã hội của mình rất quan trọng

Trong 04 khuôn mẫu ở Indonesia, Philippines và Việt Nam, sự bình đẳng hoặc bất bình đẳng trong thái độ của một người có liên quan đến* quan niệm về sự bình đẳng hoặc bất bình đẳng trong thái độ của người khác ("những điều mà tôi nghĩ người khác nghĩ"). Kết quả quan sát hành vi của người khác ("những điều mà tôi thấy người khác làm") có liên quan đến thái độ của người quan sát ở mức độ trung bình.

Tương tự như vậy, hành vi của một người có liên quan tới hành vi mà người đó quan sát được trong cộng đồng xung quanh. Trên khắp các quốc gia khảo sát và các giới, những điều trông thấy về hành vi lãnh đạo bình đẳng hơn trong cộng đồng có liên quan chặt chẽ đến hành vi lãnh đạo bình đẳng hơn của một cá nhân. Điều này cũng diễn ra tương tự đối với hành vi chia sẻ trách nhiệm trụ cột gia đình công bằng hơn ở phụ nữ ở Indonesia và Việt Nam. Các quan sát về hành vi chăm sóc bình đẳng hơn trong cộng đồng liên quan đến hành vi cá nhân bình đẳng hơn về khuôn mẫu này đối với cả nam giới và phụ nữ ở Indonesia và đối với nam giới ở Philippines. Thái độ của thể hệ Y tại thành thị hiếm khi liên quan đáng kể đến hành vi của chính họ, ngoại trừ thái độ của nam giới Philippines đối với trách nhiệm chăm sóc và của phụ nữ Philippines đối với trách nhiệm trụ cột gia đình. Xem sơ đồ giải thích thêm về điều này ở trang sau .

Những điều bạn thấy khi được cha mẹ nuôi dưỡng rất quan trọng

Nếu một người thuộc thể hệ Y ở thành thị chứng kiến cha mẹ chia sẻ công bằng việc chăm sóc trẻ em và/hoặc trách nhiệm trụ cột gia đình thì người đó thường thực hành chia sẻ bình đẳng trách nhiệm chăm sóc trẻ em và trụ cột gia đình ở chính gia đình họ. Thông thường, tấm gương cha mẹ liên quan tới việc phân chia bình đẳng hơn về trách nhiệm trụ cột gia đình cho nam giới và trách nhiệm chăm sóc bình đẳng hơn cho phụ nữ (nhưng ở Indonesia, điều này liên quan tới sự bình đẳng hơn về trách nhiệm chăm sóc ở nam giới chứ không phải phụ nữ). Nếu đã từng thấy cha mẹ thực hành bình đẳng thì phụ nữ thể hệ Y tại Việt Nam có khả năng sẽ thực hành bình đẳng không chỉ trong gia đình mà còn tại nơi làm việc khi họ phân chia công việc và lãnh đạo (phụ nữ ở Indonesia cũng cho thấy mối liên quan giữa hình mẫu cha mẹ và hành vi lãnh đạo). Trên khắp các quốc gia, việc một người cha chia sẻ việc chăm sóc bình đẳng sẽ liên kết với hành vi tiến bộ hơn trên một số lượng lớn các khuôn mẫu giới so với việc một người mẹ làm gương về bình đẳng trong trách nhiệm trụ cột gia đình.

Những điều bạn thấy trên các phương tiện truyền thông rất quan trọng

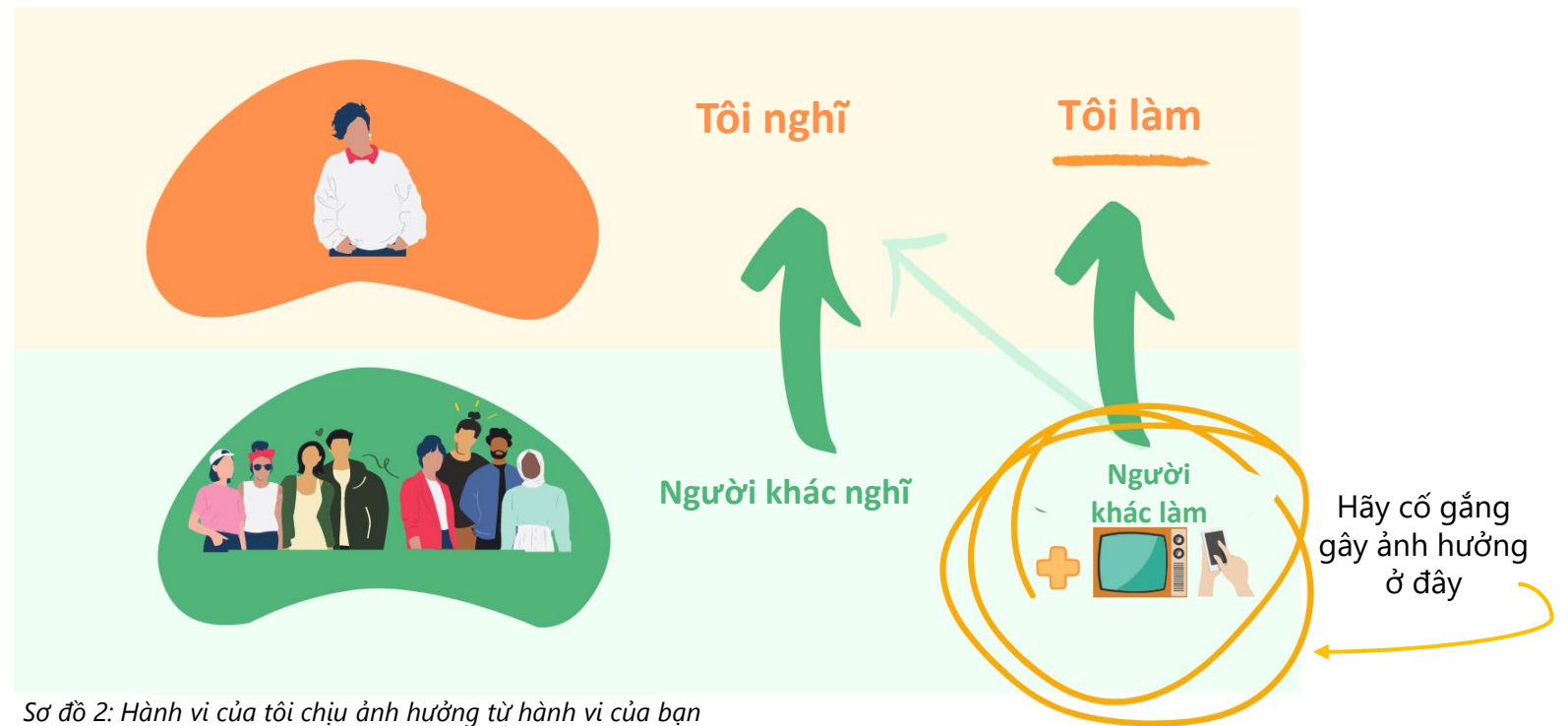
Thể hệ Y được hỏi về phương tiện truyền thông mà họ sử dụng trực tuyến và thông qua truyền hình, đài phát thanh và báo in. Các phương tiện truyền thông tiến bộ là những phương tiện truyền thông nhìn nhận phụ nữ và nam giới bình đẳng trong vai trò chăm sóc trẻ em, làm việc nhà và lãnh đạo tại nơi làm việc. Việc theo dõi những phương tiện này dẫn đến các hành vi bình đẳng hơn của nam giới và phụ nữ trên tất cả các khuôn mẫu giới ngoại trừ vai trò chăm sóc ở Việt Nam và trụ cột gia đình ở Philippines. Ở Indonesia, điều này tương quan với hành vi bình đẳng hơn về các khuôn mẫu chăm sóc và lãnh đạo cho nam giới và phụ nữ, cũng như vai trò trụ cột trong gia đình và phân chia công việc cho nam giới. Trên khắp các quốc gia khảo sát, các đại diện tiến bộ về vai trò giới về công việc thường xuyên có xu hướng liên kết với hành vi tiến bộ hơn so với vai trò giới liên quan đến gia đình, đặc biệt là đối với nam giới.



Phân tích hồi quy trên dữ liệu khảo sát đã kiểm tra những điều ảnh hưởng đến hành vi của thể hệ Y – Phần “Tôi làm” trong Sơ đồ 2 bên dưới. Phân tích hồi quy tương tự đã được thực hiện trong SNAP 2020 và SNAP 2022 và các mối tương quan chính vẫn ổn định trong năm 2020 và 2022, mặc dù có sự khác biệt về mức độ quan trọng của một số biến kiểm soát nhân khẩu học xã hội. Những phát hiện chính của phân tích hồi quy ở cả hai đợt đều nhất quán.

Hiếm khi tìm thấy mối liên hệ giữa những điều “tôi nghĩ” dẫn đến những điều “tôi làm”. Mối liên hệ mạnh mẽ nhất với những điều “tôi làm” là những điều “người khác làm”. Những nội dung trên các phương tiện truyền thông cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến những điều “tôi làm”.

Thể hệ Y sống tại thành thị ở Indonesia, Philippines và Việt Nam sẽ chỉ chấp nhận bình đẳng giới khi họ nhìn thấy những người khác – những người họ quen biết ngoài đời và trên các phương tiện truyền thông – chấp nhận bình đẳng giới.



Sơ đồ 2: Hành vi của tôi chịu ảnh hưởng từ hành vi của bạn

XU HƯỚNG 2018-2022: CHĂM SÓC



NAM



NỮ

	Indonesia		Philippines		Vietnam		Indonesia		Philippines		Vietnam	
	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022
Phụ nữ giỏi nhất trong việc chăm sóc con cái	▲	◄	▲	◄	◄	▲	▲	◄	▲	◄	◄	◄
Phụ nữ giỏi nhất trong việc chăm sóc người lớn phụ thuộc	◄	▼	◄	◄	◄	◄	▲	◄	▲	◄	◄	◄
Chăm sóc con cái là trách nhiệm của phụ nữ	-	▼	-	◄	-	◄	-	▼	-	◄	-	▼
Hài lòng với việc vợ thực hiện hầu hết các công việc chăm sóc trẻ em (nam giới) Hài lòng với việc thực hiện hầu hết các công việc chăm sóc trẻ em (phụ nữ)	▲	◄	◄	◄	◄	◄	▼	◄	◄	◄	◄	◄
Tôi thực hiện hầu hết các công việc chăm sóc trẻ em tại nhà của mình	-	◄	-	◄	-	◄	-	◄	-	◄	-	◄

Chú giải:

- ▲
Tăng theo thời gian
- ▼
Giảm theo thời gian
- ◄
Ổn định theo thời gian
- (Green)
Phong trào ảnh hưởng tích cực đến sự bình đẳng
- (Red)
Phong trào ảnh hưởng tiêu cực đến sự bình đẳng
- (Purple)
Thái độ
- (Black)
Hành vi

* Xem *Phụ lục chi tiết - Khảo sát các khuôn mẫu xã hội, thái độ và thực tiễn (SNAP) 2022 tại Indonesia, Philippines và Việt Nam* để so sánh chi tiết các biến năm 2018, 2020 và 2022 và phân tích các điểm tương đồng và khác biệt giữa các đợt khảo sát. Nên hiểu sự khác biệt có nghĩa là theo hướng nào đó chứ không phải là những thay đổi. Có sự khác biệt đáng chú ý trong cách diễn đạt câu hỏi, đặc biệt là trong các câu hỏi về kỳ vọng giới đối với phụ nữ chăm sóc trẻ em và người lớn phụ thuộc.

XU HƯỚNG 2018-2022: KHUÔN MẪU ĐỐI VỚI TRỤ CỘT GIA ĐÌNH VÀ CÔNG VIỆC



NAM



NỮ

	Indonesia		Philippines		Vietnam		Indonesia		Philippines		Vietnam	
	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022	2018-2020	2020-2022
THU NHẬP GIA ĐÌNH:	Mang lại thu nhập là trách nhiệm của nam giới											
	-	▲	-	◄	-	▲	-	◄	-	◄	-	◄
PHÂN CHIA CÔNG VIỆC	Vợ tôi mang lại thu nhập nhiều bằng tôi											
	◄	◄	▲	◄	▲	◄	▼	▲	◄	▲	▲	◄
LÃNH ĐẠO	Một số công việc nam giới làm hợp hơn											
	-	▲	-	▲	-	▲	-	▲	-	▲	-	▲
LÃNH ĐẠO	Phần lớn đồng nghiệp ở nơi làm việc của tôi là nam giới											
	-	◄	-	◄	-	◄	-	▼	-	◄	-	◄
LÃNH ĐẠO	Nam giới phù hợp hơn ở các vị trí lãnh đạo											
	-	▲	-	◄	-	◄	-	◄	-	▼	-	▼
LÃNH ĐẠO	Nhiều lãnh đạo là nam giới hơn ở nơi làm việc của tôi											
	-	◄	-	◄	-	◄	-	◄	-	▼	-	▼

Từ khóa:

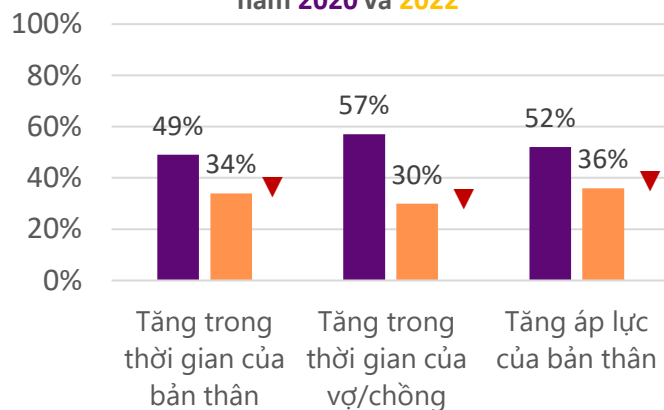
- ▲ Tăng theo thời gian
- ▼ Giảm theo thời gian
- ◄◄ Ổn định theo thời gian
- Phong trào ảnh hưởng tích cực đến sự bình đẳng
- Phong trào ảnh hưởng tiêu cực đến sự bình đẳng
- Thái độ
- Hành vi

* Xem *Phụ lục chi tiết - Khảo sát các khuôn mẫu xã hội, thái độ và thực tiễn (SNAP) 2022 tại Indonesia, Philippines và Việt Nam* để so sánh chi tiết các biến năm 2018, 2020 và 2022 và phân tích các điểm tương đồng và khác biệt giữa các đợt khảo sát. Nên hiểu sự khác biệt có nghĩa là theo hướng nào đó chứ không phải là những thay đổi chính xác. Có sự khác biệt đáng chú ý trong cách diễn đạt câu hỏi, đặc biệt là trong các câu hỏi về kỳ vọng giới đối với phụ nữ chăm sóc trẻ em và người lớn phụ thuộc.

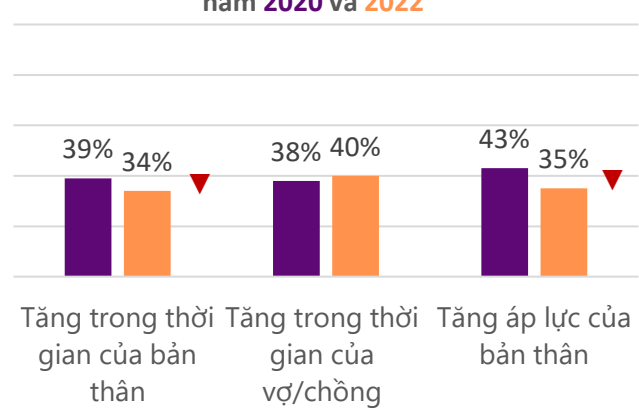
Áp lực gia đình liên quan đến COVID:

Năm 2022, ngoại trừ phụ nữ Philippines, tất cả các quốc gia và giới ít báo cáo phải làm thêm công việc gia đình do COVID so với năm 2020. Có vẻ như cả nam giới và phụ nữ đã đánh giá chính xác hơn về tác động của COVID đối với công việc gia đình mà vợ/chồng họ thực hiện, so với năm 2020 khi nam giới Việt Nam và Philippines đánh giá thấp công việc của đối tác. Ở Indonesia, áp lực chăm sóc gia đình liên quan đến COVID giảm đáng kể nhất so với năm 2020.

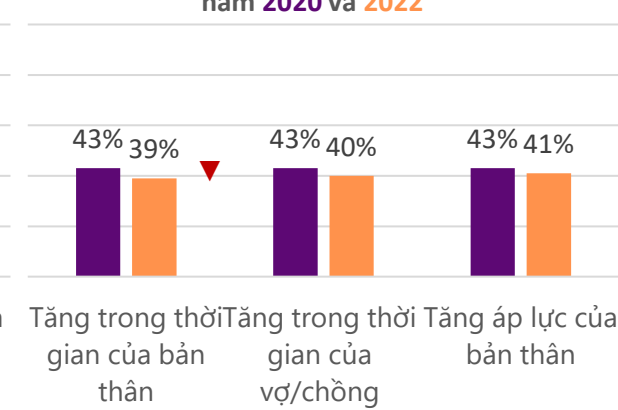
Nam giới Indonesia – Tác động của COVID đối với trách nhiệm gia đình năm 2020 và 2022



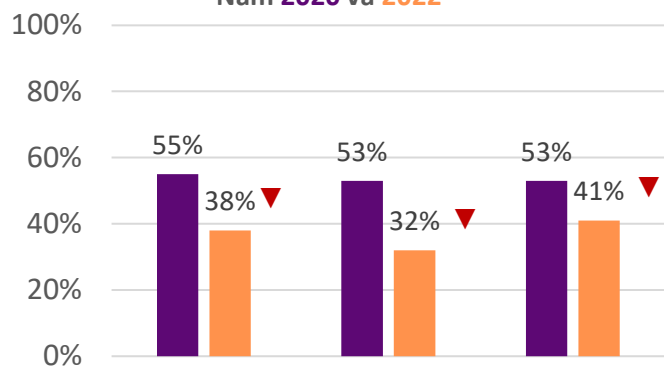
Nam giới Philippines – Tác động của COVID đối với trách nhiệm gia đình năm 2020 và 2022



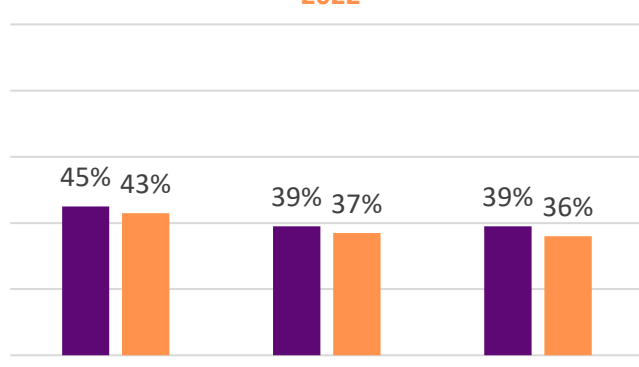
Nam giới Việt Nam – Tác động của COVID đối với trách nhiệm gia đình năm 2020 và 2022



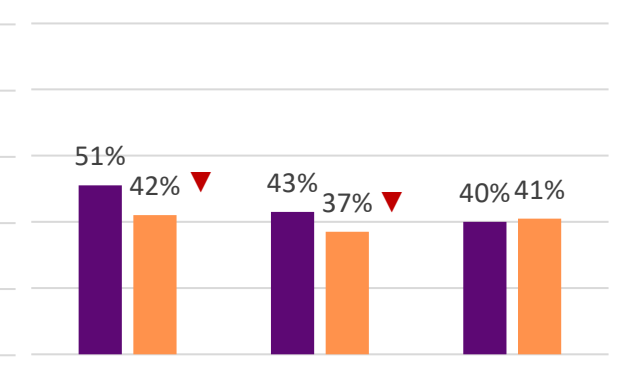
Phụ nữ Indonesia – Tác động của COVID đối với trách nhiệm gia đình Năm 2020 và 2022



Phụ nữ Philippines – Tác động của COVID đối với trách nhiệm gia đình năm 2020 và 2022



Phụ nữ Việt Nam – Tác động của COVID đối với trách nhiệm gia đình năm 2020 và 2022



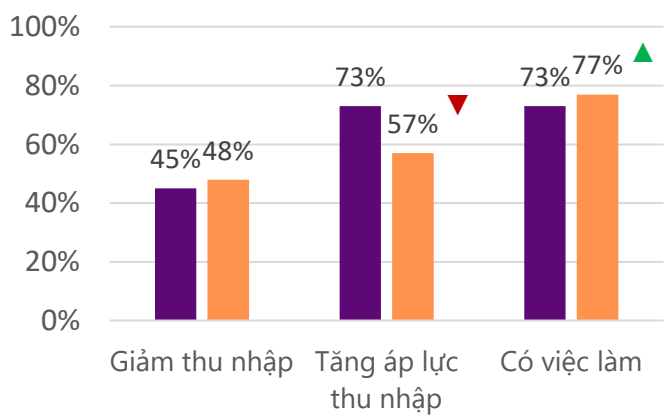
Biểu đồ: Gia tăng trách nhiệm và áp lực trong gia đình đối với thể hệ Y ở Indonesia, Philippines và Việt Nam và vợ/chồng của họ do tác động của COVID, phân loại theo đợt khảo sát. ▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.

Áp lực thu nhập liên quan đến COVID:

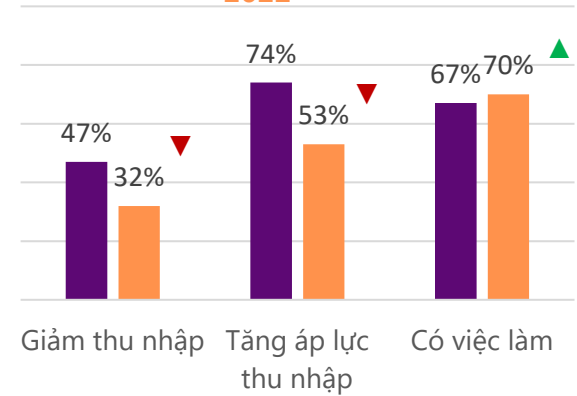


So với năm 2020, vào năm 2022 có ít nam giới và phụ nữ Philippines và Việt Nam cho biết thu nhập của họ bị giảm do COVID so với thời điểm trước đại dịch. Tỷ lệ phần trăm báo cáo giảm thu nhập ở Indonesia tương tự như năm 2020. Áp lực thu nhập liên quan đến COVID giảm so với năm 2020 ở nam giới và phụ nữ ở Indonesia và Philippines, nhưng không giảm ở Việt Nam.

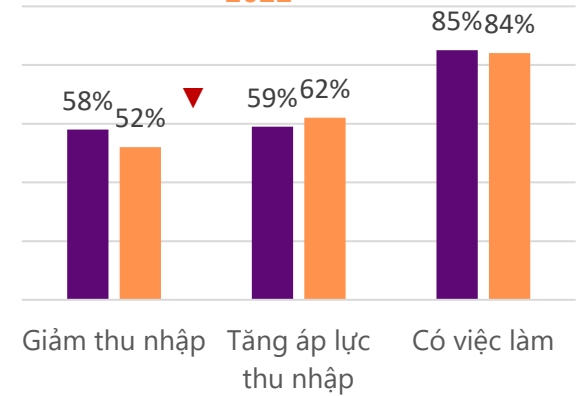
Nam giới Indonesia – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



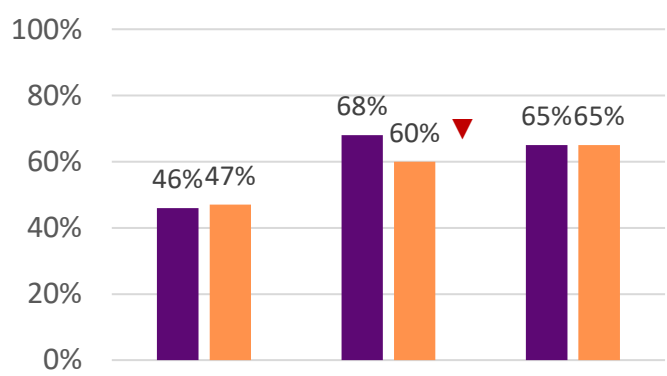
Nam giới Philippines – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



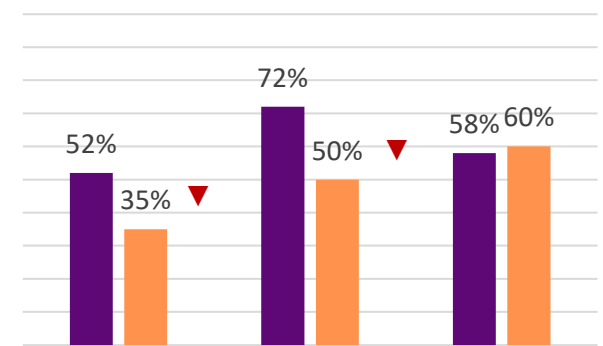
Nam giới Việt Nam – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



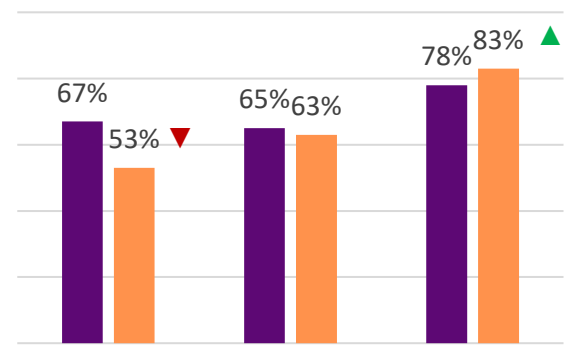
Phụ nữ Indonesia – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



Phụ nữ Philippines – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



Phụ nữ Việt Nam – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022

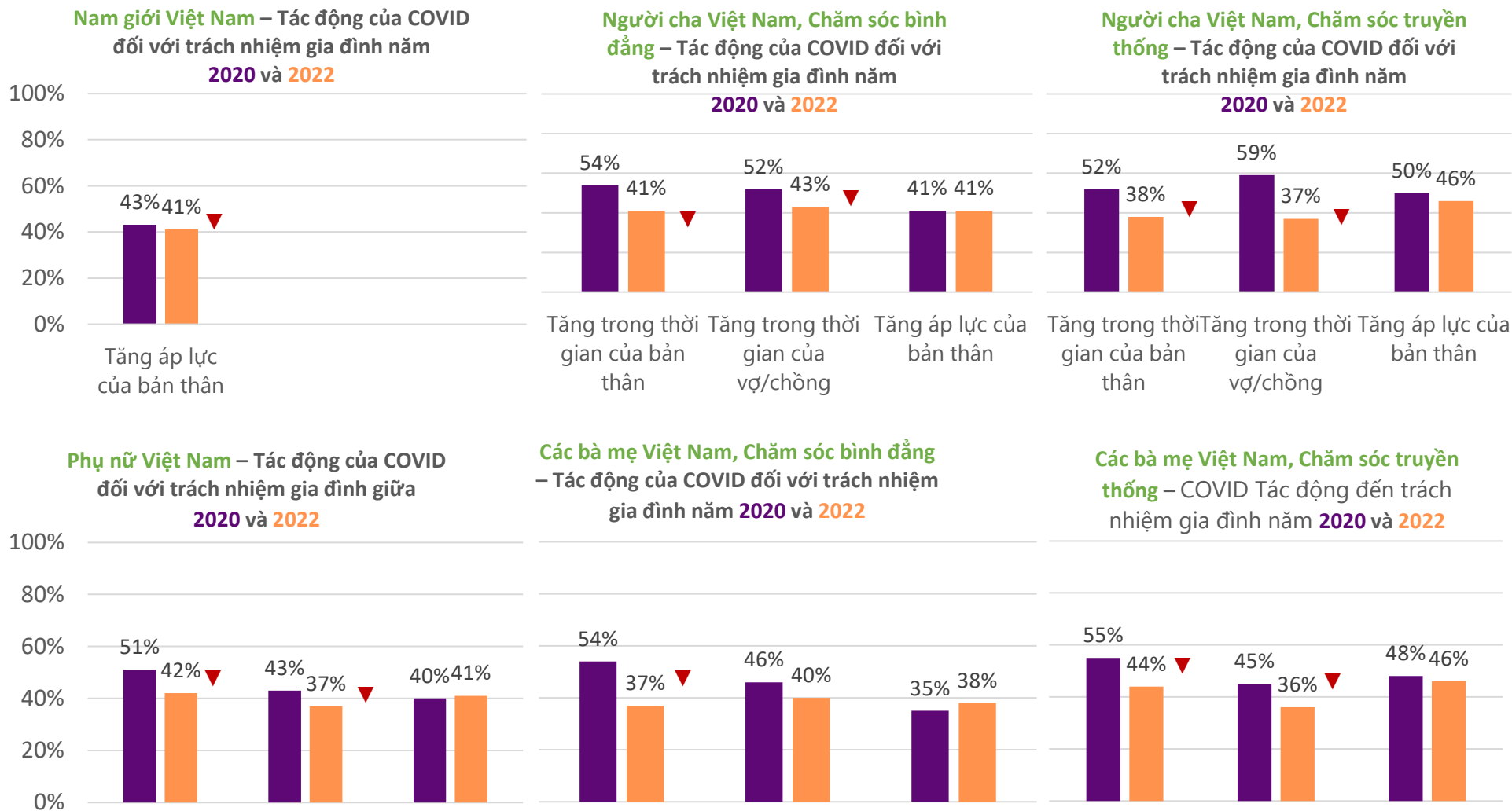


Biểu đồ: Tác động tài chính, áp lực tài chính và tỷ lệ có việc làm ở thế hệ Y tại Indonesia, Philippines và Việt Nam do tác động của COVID, phân loại theo đợt khảo sát. ▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.

Vai trò giới và áp lực công việc gia đình liên quan đến COVID ở Việt Nam:



Ở Việt Nam, lượng thời gian dành thêm cho các công việc gia đình do COVID giảm ở cả nam lẫn nữ và ở tất cả những gia đình có cách phân chia công việc chăm sóc khác nhau. Cũng giống như năm 2020, vào năm 2022, những người làm cha mẹ phân chia trách nhiệm làm việc nhà theo kiểu truyền thống có xu hướng cảm thấy áp lực hơn khi làm việc nhà liên quan đến COVID so với những người có sự phân chia bình đẳng.



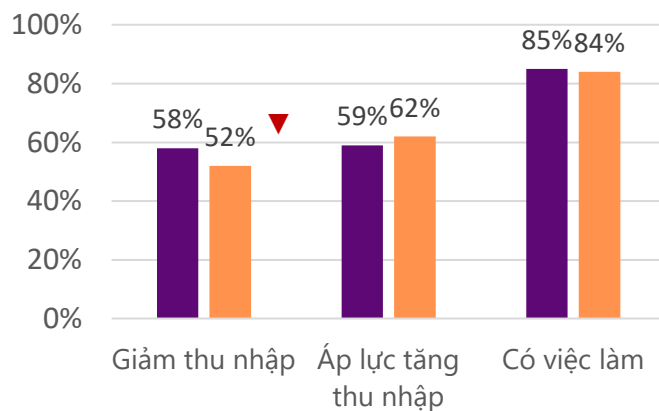
Biểu đồ: Gia tăng trách nhiệm và áp lực trong gia đình đối với thể hệ Y tại Việt Nam và vợ/chồng của họ do tác động của COVID, phân loại theo đợt khảo sát.

▲ ▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% CI

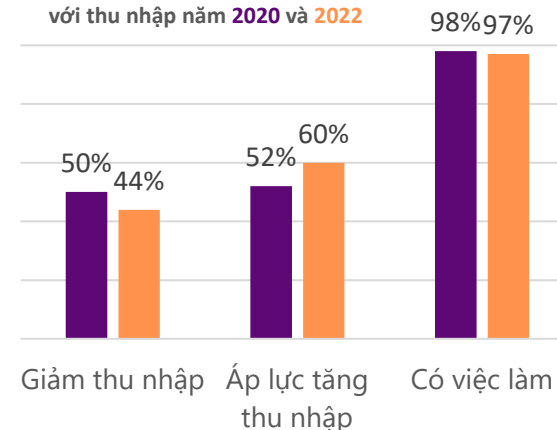
Vai trò giới và áp lực thu nhập liên quan đến COVID ở Việt Nam:

Ở Việt Nam, có ít nam giới và phụ nữ báo cáo giảm thu nhập do COVID vào năm 2022 so với năm 2020, mặc dù những người vợ ra ngoài làm việc thuộc các gia đình có cách phân chia trách nhiệm kiếm tiền theo truyền thống vẫn có khả năng báo cáo giảm. Lao động nữ thuộc gia đình có sự bình đẳng trong chia sẻ trách nhiệm trụ cột báo cáo gia tăng áp lực phải mang lại thu nhập trong năm 2022 so với năm 2020.

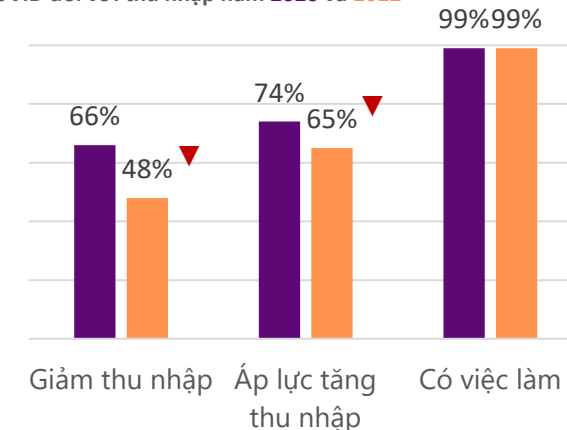
Nam giới Việt Nam – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



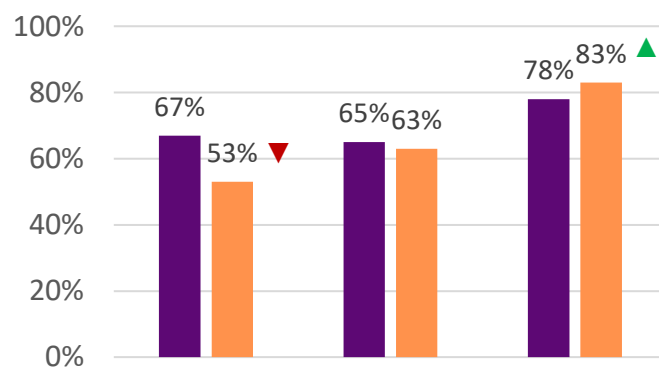
Nam giới Việt Nam có con, bình đẳng về trách nhiệm trụ cột gia đình – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



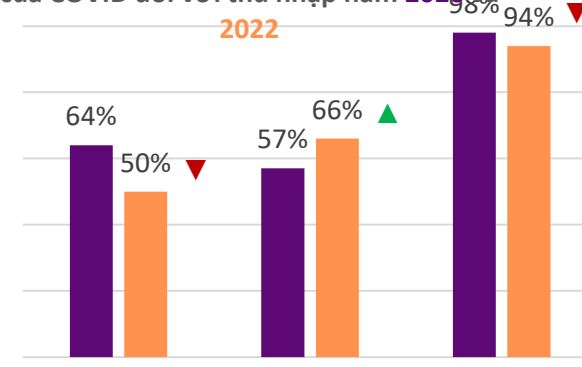
Nam giới Việt Nam có con, phân chia trách nhiệm trụ cột gia đình kiểu truyền thống – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



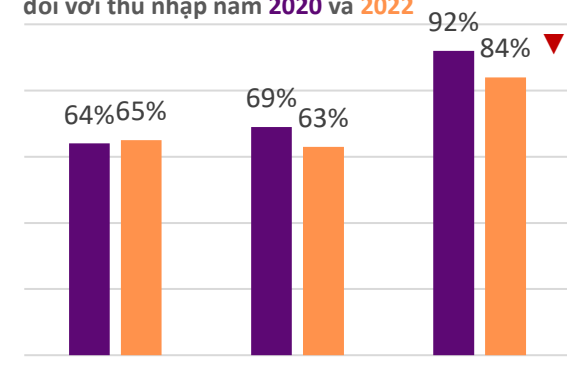
Phụ nữ Việt Nam – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



Phụ nữ Việt Nam có con, bình đẳng về trách nhiệm trụ cột gia đình – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



Phụ nữ Việt Nam có con (có việc làm), phân chia trách nhiệm trụ cột gia đình kiểu truyền thống – Tác động của COVID đối với thu nhập năm 2020 và 2022



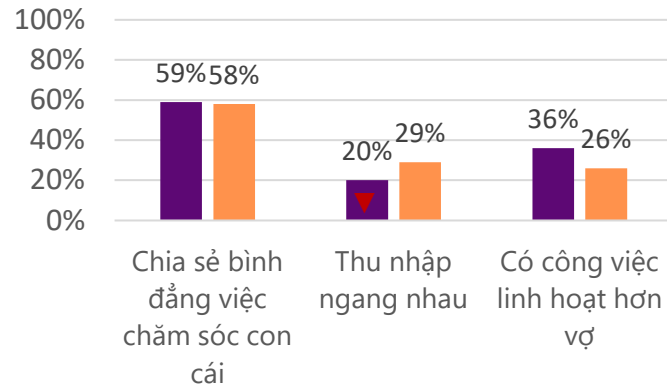
Biểu đồ: Tác động tài chính, áp lực tài chính và tỷ lệ có việc làm ở thế hệ Y tại Việt Nam do tác động của COVID, phân loại theo đợt khảo sát. ▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.

Tăng giảm trách nhiệm thực hiện công việc gia đình liên quan đến COVID và ảnh hưởng của điều này đối với trách nhiệm chăm sóc con cái, trụ cột gia đình và làm việc linh hoạt:

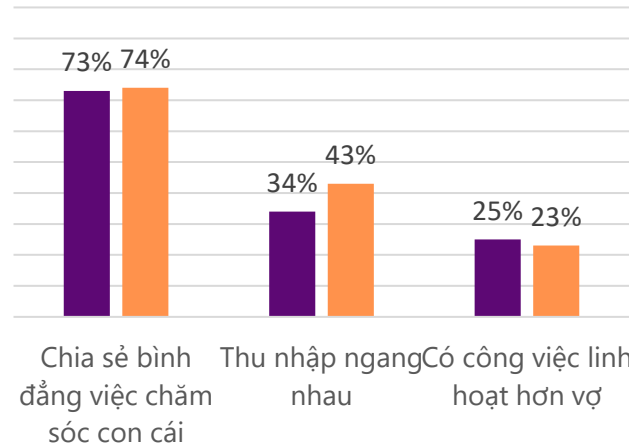


Có sự trải nghiệm khác nhau giữa những người dành nhiều thời gian hơn cho các trách nhiệm gia đình do COVID và những người không có thay đổi hoặc giảm trách nhiệm. Trên khắp các quốc gia khảo sát, việc những phụ nữ đi làm đảm nhận nhiều trách nhiệm gia đình hơn cho thấy họ ngày càng có nhiều cơ hội làm việc linh hoạt hơn. Ở Philippines và Indonesia, phụ nữ đi làm cũng ít được bình đẳng hơn trong trách nhiệm chăm sóc gia đình so với những phụ nữ không đi làm. Ngoài ra, ở Indonesia, phụ nữ ít có khả năng được bình đẳng trong việc chia sẻ trách nhiệm trụ cột gia đình.

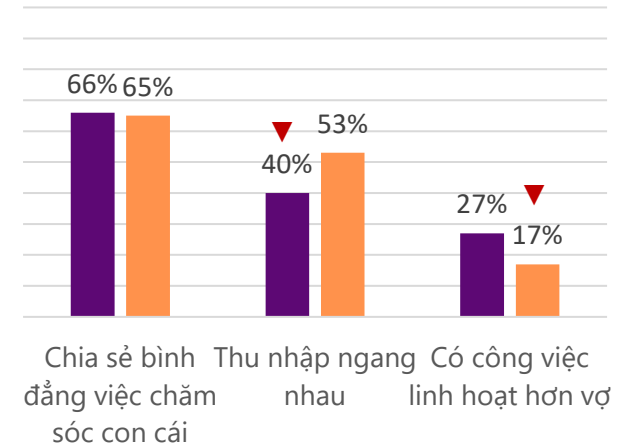
Nam giới Indonesia – Tăng hoặc giảm/Không thay đổi trách nhiệm gia đình



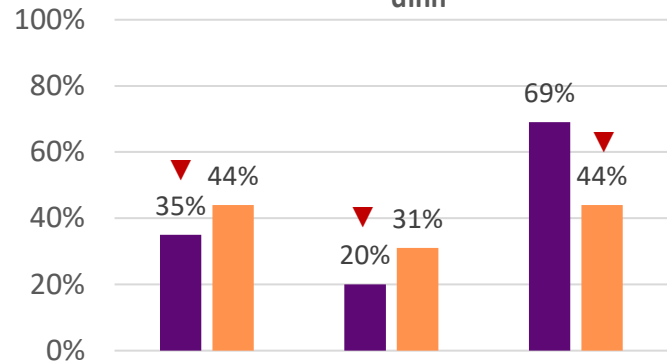
Nam giới Philippines – Tăng hoặc giảm/Không thay đổi trách nhiệm gia đình



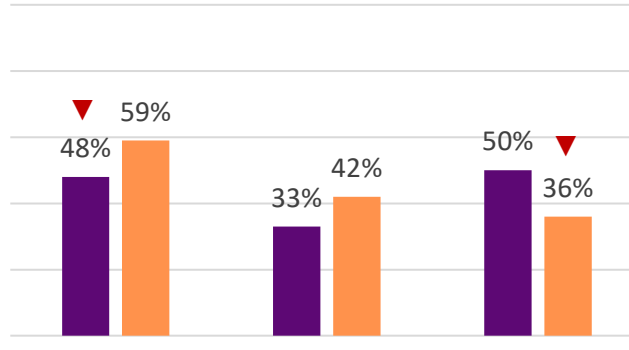
Nam giới Việt Nam – Tăng hoặc giảm/Không thay đổi trách nhiệm gia đình



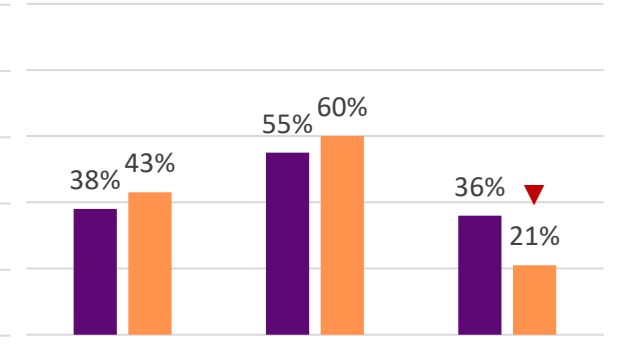
Phụ nữ Indonesia – Tăng hoặc giảm/Không thay đổi trách nhiệm gia đình



Phụ nữ Philippines – Tăng hoặc giảm/Không thay đổi trách nhiệm gia đình



Phụ nữ Việt Nam – Tăng hoặc giảm/Không thay đổi trách nhiệm gia đình



Biểu đồ: Những thay đổi về ảnh hưởng trong trách nhiệm gia đình đối với thế hệ Y ở Indonesia, Philippines và Việt Nam và vợ/chồng của họ trong trách nhiệm chăm sóc con cái, trụ cột gia đình và làm việc linh hoạt. ▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.

Tham vọng được thăng tiến và trở thành quản lý cấp cao trước và sau khi bùng phát COVID:

Kể từ khi đại dịch COVID bùng phát, tham vọng thăng tiến trong công việc không thay đổi ở nam giới và phụ nữ tại Philippines, giảm ở nam giới và phụ nữ tại Indonesia và giảm chỉ ở phụ nữ tại Việt Nam.

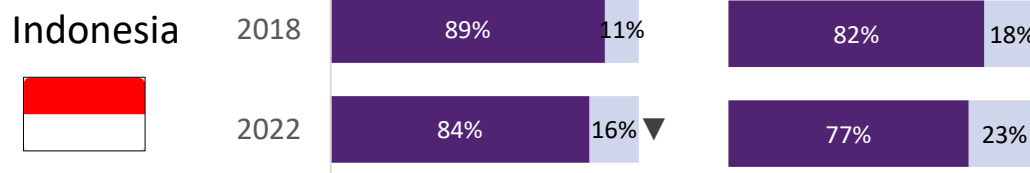


NAM

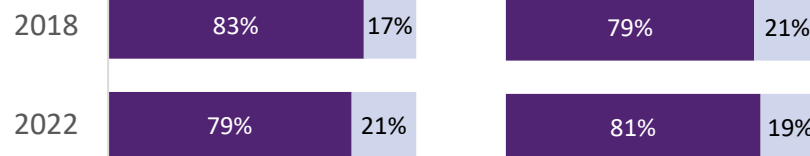


NỮ

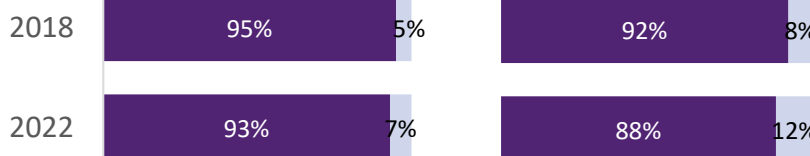
Bạn có hy vọng được thăng chức trong 24 tháng tới không?



Philippines



Việt Nam



■ Đồng ý ■ Không đồng ý

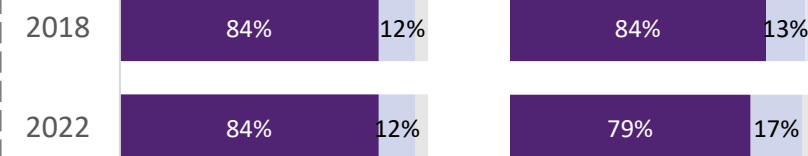
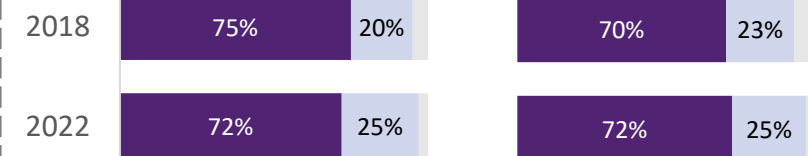
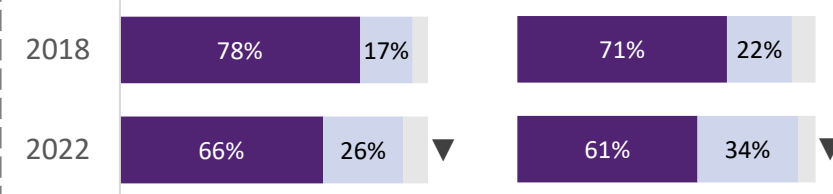


NAM



NỮ

Bạn có tham vọng được đảm nhận vị trí quản lý cấp cao trong công ty của mình không?



■ Đồng ý ■ Không đồng ý ■ Hiện đang đảm nhận vị trí quản lý rồi

▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê giữa các khoảng thời gian ở mức 95% C.I.

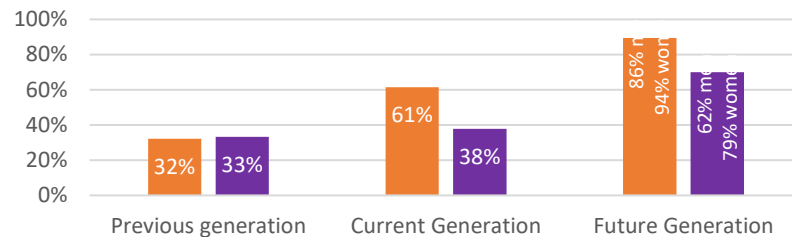
BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI NHÀ NGÀY CÀNG TĂNG

Các xu hướng vẫn ổn định trong suốt năm 2020 và 2022. Trách nhiệm chăm sóc trẻ em và trụ cột gia đình được chia sẻ đồng đều hơn từ thế hệ này sang thế hệ khác.

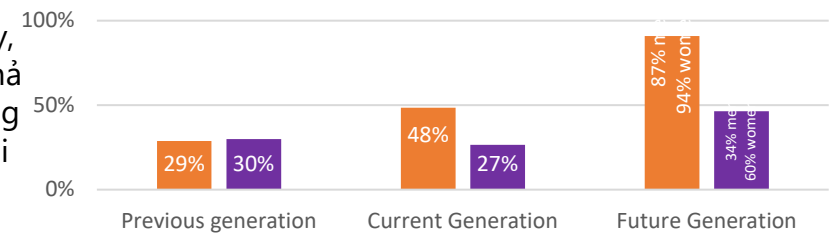
Thế hệ Y được hỏi khi họ lớn lên trong gia đình thì họ có thấy cha mẹ (được thể hiện là "thế hệ trước" trong các biểu đồ dưới đây) chia sẻ trách nhiệm chăm sóc và trụ cột gia đình hay không. Khi so sánh với "thế hệ hiện tại" trong việc chia sẻ giữa các cặp vợ chồng chưa có con và giữa cha mẹ với con cái ở nhà, việc chia sẻ đã tăng lên. Con cái của thế hệ Y - "Thế hệ tương lai" - còn độc thân hoặc chưa có con cái được hỏi họ hy vọng sẽ làm gì nếu họ có vợ/chồng và con cái trong tương lai. Số lượng người thuộc thế hệ Y ở thành thị muốn chia sẻ vai trò với vợ/chồng tăng lên ấn tượng, đặc biệt là đối với trách nhiệm chăm sóc con cái với hơn 8/10 nam giới và 9/10 phụ nữ ở Indonesia, Philippines và Việt Nam mong muốn chia sẻ công bằng trách nhiệm chăm sóc con cái với vợ/chồng họ. Một mô hình tương tự cũng diễn ra đối với trách nhiệm trụ cột gia đình, mặc dù sự khác biệt về thế hệ không rõ rệt như vậy, và những người làm cha mẹ hiện tại ở Indonesia thực sự ít có khả năng chia sẻ bình đẳng với vợ/chồng như cha mẹ của họ đã từng làm. Như trường hợp năm 2020, nam giới thuộc thế hệ tương lai dường như kìm hãm bản thân khi nói đến khát vọng bình đẳng về trách nhiệm trụ cột gia đình so với phụ nữ.

Thế hệ Y được hỏi khi họ lớn lên trong gia đình thì họ có thấy cha mẹ (được thể hiện là "thế hệ trước" trong các biểu đồ dưới đây) chia sẻ trách nhiệm chăm sóc và trụ cột gia đình hay không. Khi so sánh với "thế hệ hiện tại" trong việc chia sẻ giữa các cặp vợ chồng chưa có con và giữa cha mẹ với con cái ở nhà, việc chia sẻ đã tăng lên. Con cái của thế hệ Y - "Thế hệ tương lai" - còn độc thân hoặc chưa có con cái được hỏi họ hy vọng sẽ làm gì nếu họ có vợ/chồng và con cái trong tương lai. Số lượng người thuộc thế hệ Y ở thành thị muốn chia sẻ vai trò với vợ/chồng tăng lên ấn tượng, đặc biệt là đối với trách nhiệm chăm sóc con cái với hơn 8/10 nam giới và 9/10 phụ nữ ở Indonesia, Philippines và Việt Nam mong muốn chia sẻ công bằng trách nhiệm chăm sóc con cái với vợ/chồng họ. Một mô hình tương tự cũng diễn ra đối với trách nhiệm trụ cột gia đình, mặc dù sự khác biệt về thế hệ không rõ rệt như vậy, và những người làm cha mẹ hiện tại ở Indonesia thực sự ít có khả năng chia sẻ bình đẳng với vợ/chồng như cha mẹ của họ đã từng làm. Như trường hợp năm 2020, nam giới thuộc thế hệ tương lai dường như kìm hãm bản thân khi nói đến khát vọng bình đẳng về trách nhiệm trụ cột gia đình so với phụ nữ.

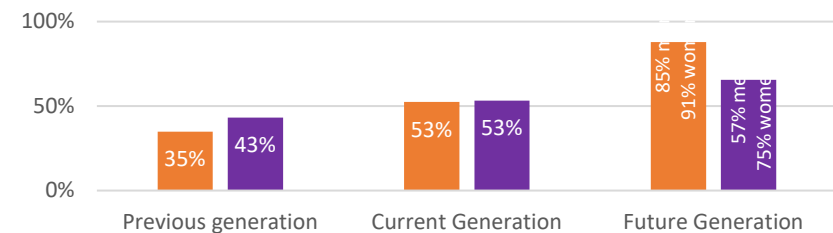
Philippines - Chia sẻ trách nhiệm chăm sóc trẻ em và trụ cột gia đình bình đẳng



Indonesia - Chia sẻ trách nhiệm chăm sóc trẻ em và trụ cột gia đình bình đẳng



Việt Nam - Chia sẻ trách nhiệm chăm sóc trẻ em và trụ cột gia đình bình đẳng



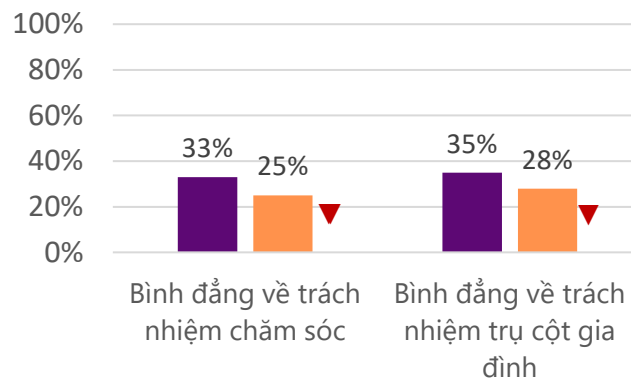
Biểu đồ: Tỷ lệ % số người trả lời khảo sát SNAP III báo cáo việc chăm sóc và chu cấp bình đẳng trong gia đình mà họ được sinh ra, phân loại theo nhóm tuổi. 17
▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.



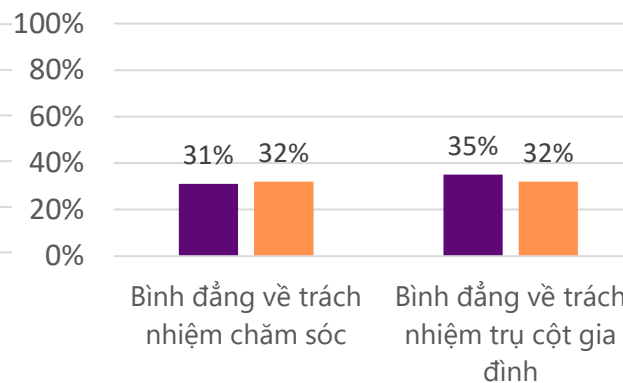
NHỮNG THAY ĐỔI ĐẦY HỨA HẸN VỀ TẤM GƯƠNG CHA MẸ

Phân tích hồi quy cho thấy tấm gương cha mẹ ở vai trò bình đẳng giới có ý nghĩa quan trọng trong việc ảnh hưởng đến hành vi bình đẳng hơn giữa các khuôn mẫu giới trong gia đình và nơi làm việc. Tấm gương cha mẹ trong đó những người cha chia sẻ bình đẳng trách nhiệm chăm sóc có liên quan đáng kể đến hành vi bình đẳng hơn đối với một hoặc nhiều khuôn mẫu ở cả 03 quốc gia, và tấm gương cha mẹ trong đó người mẹ chia sẻ bình đẳng trách nhiệm chăm sóc có liên quan đáng kể đến hành vi bình đẳng hơn đối với một hoặc nhiều khuôn mẫu ở Indonesia và Việt Nam. Dữ liệu khảo sát cho thấy những người trong độ tuổi 18-24 nhìn thấy tấm gương của cha mẹ trong việc chăm sóc và trụ cột gia đình ở Indonesia và chăm sóc ở Việt Nam thường xuyên hơn so với những người trên 25 tuổi. Điều này cho thấy rằng sự thay đổi thế hệ có thể tạo ra một vòng lặp đạo đức về hành vi phi truyền thống hơn đối với các khuôn mẫu giới ở các quốc gia này vì các thế hệ cha mẹ tương lai thường được trải nghiệm các khuôn mẫu giới bình đẳng trong gia đình đã sinh ra họ.

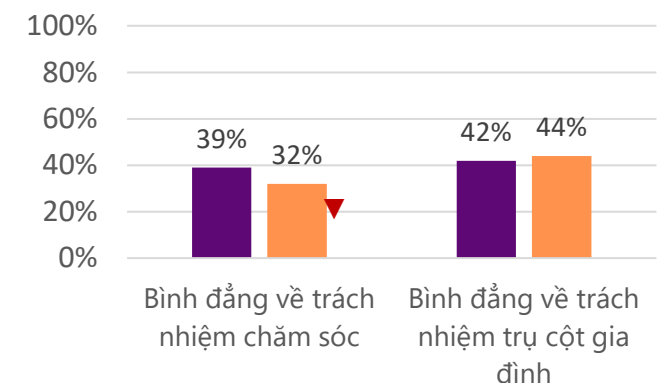
Indonesia – Tấm gương bình đẳng giới của cha mẹ, độ tuổi 18-24 và 25-40



Philippines – Tấm gương bình đẳng giới của cha mẹ, độ tuổi 18-24 và 25-40



Việt Nam – Tấm gương bình đẳng giới của cha mẹ, độ tuổi 18-24 và 25-40



Biểu đồ: % số người trả lời khảo sát SNAP III cho biết có sự bình đẳng về trách nhiệm chăm sóc và trụ cột gia đình trong gia đình mà họ được sinh ra, phân loại theo nhóm tuổi.

▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.



HÀNH VI LÃNH ĐẠO VÀ PHÂN CHIA CÔNG VIỆC CÓ XU HƯỚNG ỔN ĐỊNH HOẶC BÌNH ĐẲNG HƠN

Phân tích hồi quy cho thấy ở các quốc gia và các giới đều có mối tương quan chặt chẽ giữa những điều mọi người nhìn thấy xung quanh và thái độ cá nhân của họ đối với các khuôn mẫu giới. Điều tương tự cũng diễn ra ở các khuôn mẫu lãnh đạo và phân chia công việc. Những điều mọi người nhìn thấy xung quanh cũng tương quan với hành vi của họ về khuôn mẫu lãnh đạo.

Dữ liệu năm 2022 phác họa một bức tranh đầy hứa hẹn đối với hành vi về khuôn mẫu lãnh đạo. Ví dụ vào năm 2020, tại tất cả các quốc gia khảo sát, nếu các cá nhân làm việc trong các môi trường công việc mà những người lãnh đạo thể hiện vai trò giới bình đẳng hơn hoặc tiến bộ hơn thì các cá nhân đó sẽ chia sẻ thái độ về giới tương tự khi họ lãnh đạo.

Liên quan tới khuôn mẫu lãnh đạo, các thái độ, hành vi được quan sát và hành vi cá nhân có tính chất ổn định hoặc có xu hướng bình đẳng hoặc tiến bộ hơn ở tất cả các quốc gia và ở tất cả các giới ngoại trừ nam giới Indonesia và Việt Nam. Đối với nam giới Indonesia, thái độ và hành vi cá nhân được quan sát trong cộng đồng của một người đều có xu hướng ít bình đẳng hơn vào năm 2022 so với năm 2020. Đối với nam giới Việt Nam, hành vi cá nhân về khuôn mẫu lãnh đạo đang có xu hướng ít bình đẳng hơn.

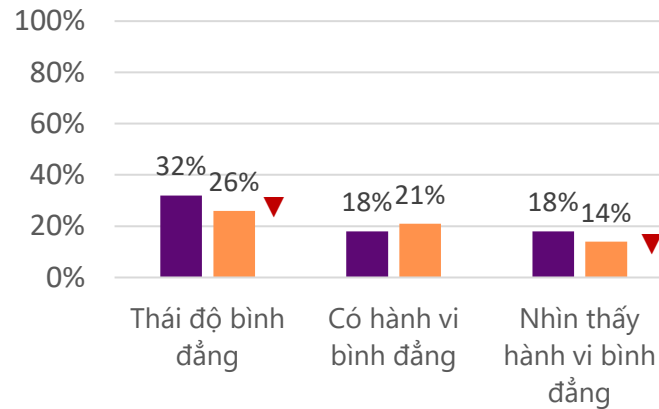
Bức tranh về khuôn mẫu phân chia công việc thì đa dạng hơn. Thái độ và hành vi phân chia công việc trong cộng đồng được quan sát đang có xu hướng ít bình đẳng hơn ở tất cả các quốc gia và ở tất cả các giới, ngoại trừ việc phụ nữ Philippines nhận thấy sự phân chia công việc trong cộng đồng ngang bằng với năm 2020. May mắn là phân tích hồi quy cho thấy hành vi cá nhân không bị ảnh hưởng từ thái độ và hành vi của những người khác về khuôn mẫu phân chia công việc. Hành vi cá nhân về phân chia công việc nằm ở mức không thay đổi (ở nam giới và phụ nữ Indonesia và nam giới Việt Nam) hoặc có xu hướng bình đẳng hơn (ở nam giới và phụ nữ Philippines và phụ nữ Việt Nam).



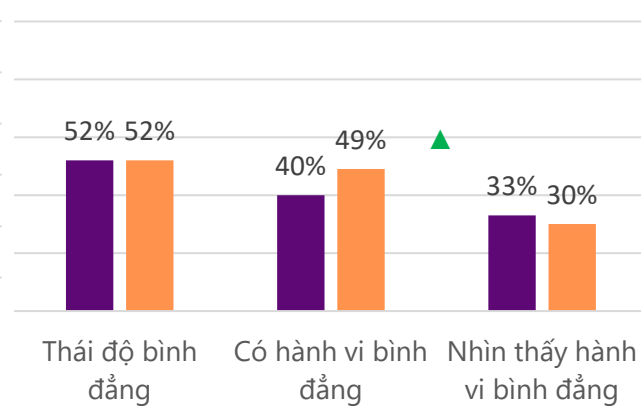
Xu hướng về lãnh đạo:

Về khuôn mẫu lãnh đạo, hành vi cá nhân ở mức không thay đổi hoặc có xu hướng bình đẳng hơn ở tất cả các quốc gia và giới ngoại trừ nam giới Việt Nam. Phân tích hồi quy cho thấy rằng nếu một người nhìn thấy hành vi bình đẳng của những người khác thì hành vi cá nhân của người đó cũng sẽ theo hướng bình đẳng hơn, và điều này cũng ổn định ở mọi đối tượng, trừ nam giới Indonesia đã giảm kể từ năm 2020.

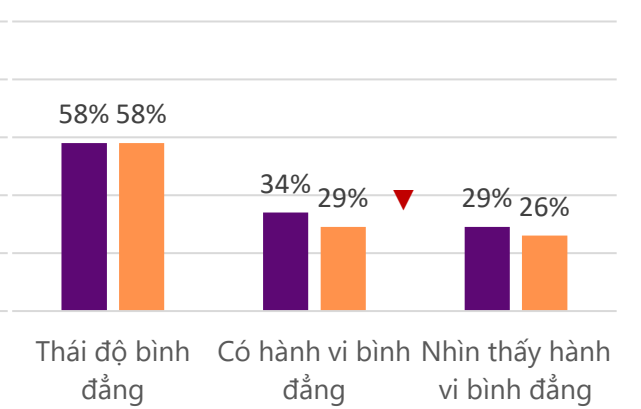
Nam giới Indonesia – Thái độ và hành vi lãnh đạo giữa 2020 và 2022



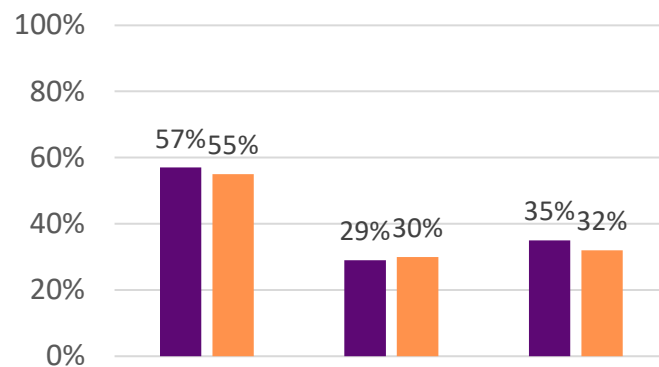
Nam giới Philippines – Thái độ và hành vi lãnh đạo giữa 2020 và 2022



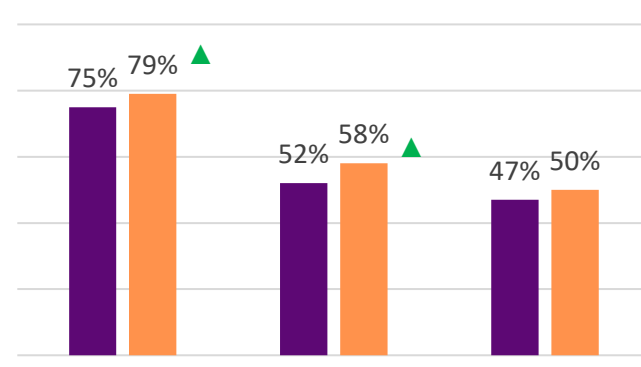
Nam giới Việt Nam – Thái độ và hành vi lãnh đạo giữa 2020 và 2022



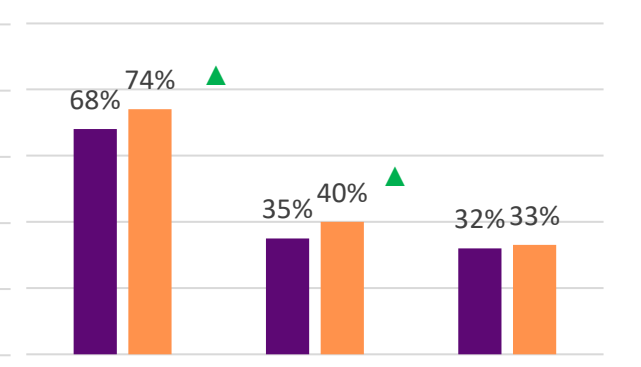
Phụ nữ Indonesia – Thái độ và hành vi lãnh đạo giữa 2020 và 2022



Nữ giới Philippines – Thái độ và hành vi lãnh đạo giữa 2020 và 2022



Phụ nữ Việt Nam – Thái độ và hành vi lãnh đạo giữa 2020 và 2022

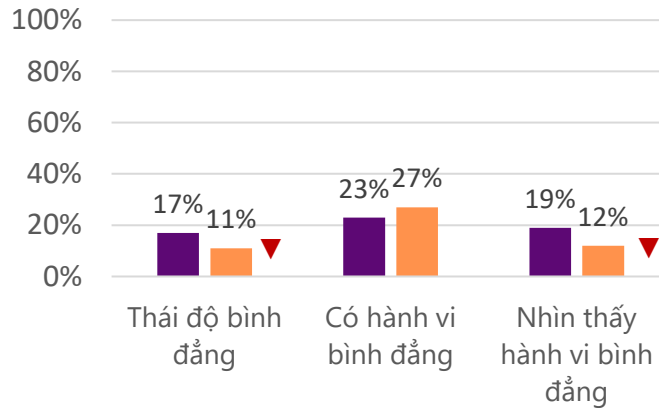


Biểu đồ: Thay đổi thái độ và hành vi lãnh đạo, phân loại theo đợt khảo sát.
▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.

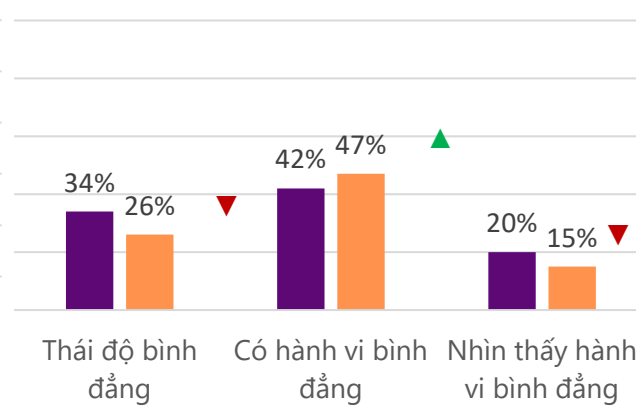
Xu hướng phân chia công việc:

Mặc dù người trả lời khảo sát quan sát thấy thái độ và hành vi phân chia công việc ở những người xung quanh dường như có xu hướng ít bình đẳng hơn, nhưng điều này không liên quan đến hành vi cá nhân của họ, vốn ổn định hoặc có xu hướng bình đẳng hơn giữa các quốc gia và giới.

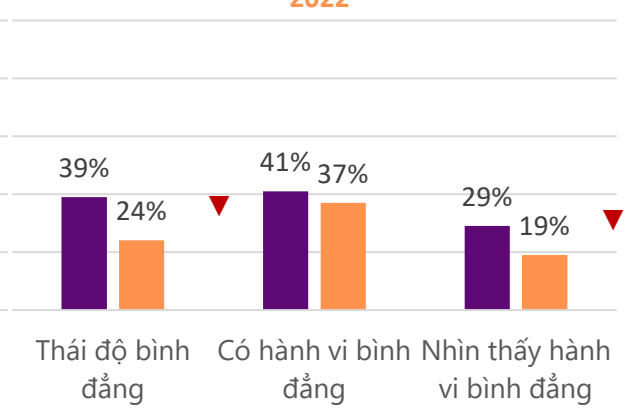
Nam giới Indonesia – Thái độ và hành vi phân chia công việc năm 2020 và 2022



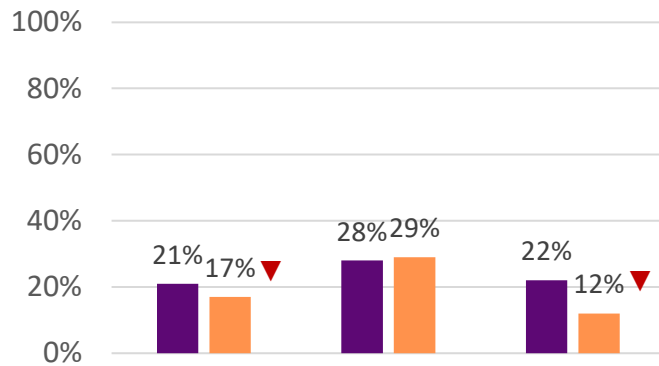
Nam giới Philippines – Thái độ và hành vi phân chia công việc năm 2020 và 2022



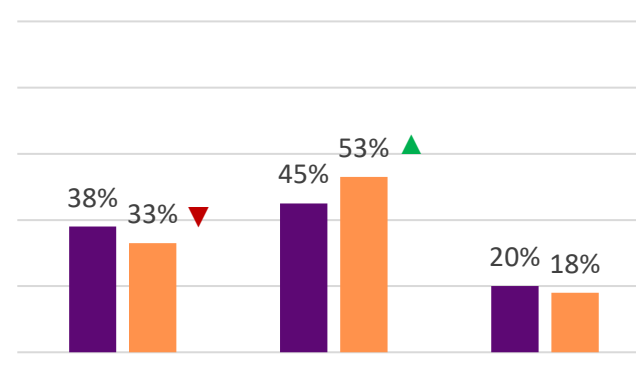
Nam giới Việt Nam – Thái độ và hành vi phân chia công việc năm 2020 và 2022



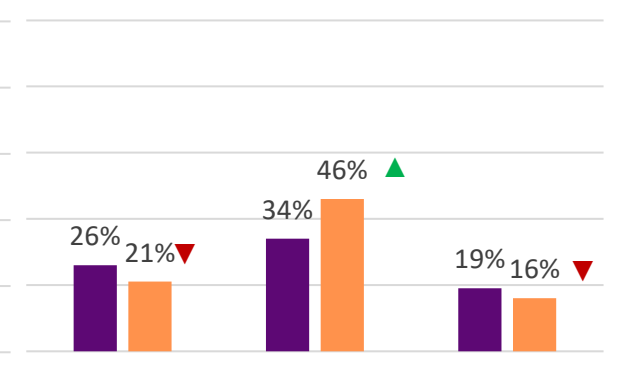
Phụ nữ Indonesia – Thái độ và hành vi phân chia công việc năm 2020 và 2022



Phụ nữ Philippines – Thái độ và hành vi phân chia công việc năm 2020 và 2022



Phụ nữ Việt Nam – Thái độ và hành vi phân chia công việc năm 2020 và 2022



Biểu đồ: Thay đổi thái độ và hành vi phân chia công việc, phân loại theo đợt khảo sát.
▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê ở mức 95% C.I.

Thái độ và hành vi làm việc linh hoạt:

Hầu hết nghĩ rằng cả nam giới và phụ nữ đều nên được tiếp cận chế độ làm việc linh hoạt như nhau. Trong thực tế, cả vợ và chồng đều được làm việc linh hoạt như nhau. Nếu có sự không đồng đều trong việc sử dụng chế độ làm việc linh hoạt thì phụ nữ thường sử dụng nhiều hơn.

Trong nhà tôi: (Hành vi cá nhân)



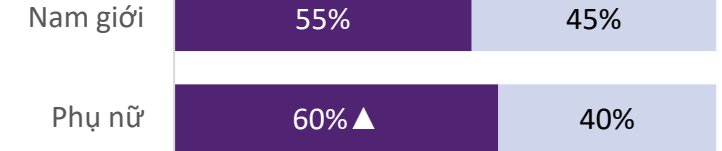
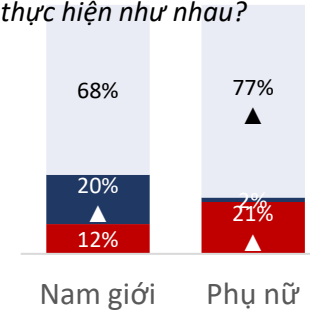
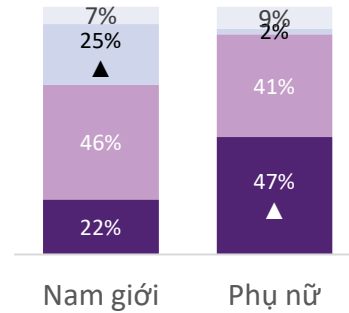
INVESTING IN WOMEN
SMART ECONOMICS
AN INITIATIVE OF THE AUSTRALIAN GOVERNMENT



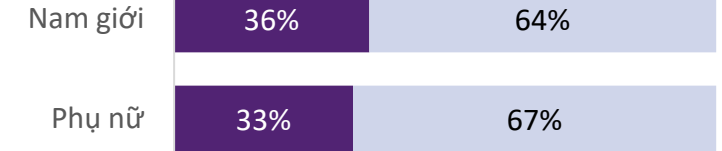
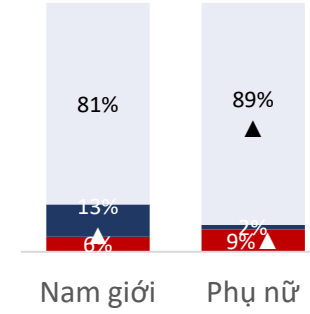
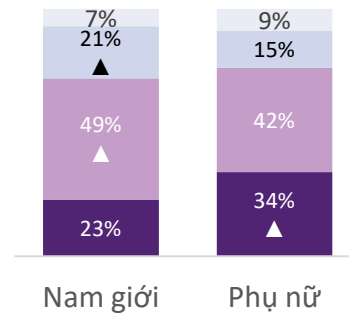
Bạn có nghĩ rằng nam giới hay phụ nữ nên làm việc linh hoạt thường xuyên hơn, hoặc cả hai giới thực hiện như nhau?

Chế độ làm việc linh hoạt nên dành cho phụ nữ nhiều hơn nam giới.

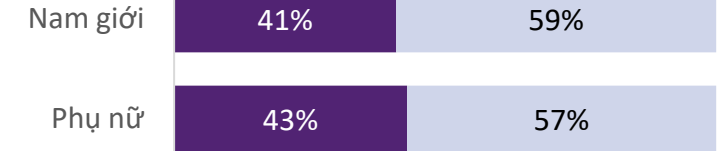
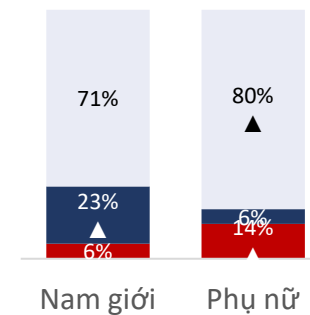
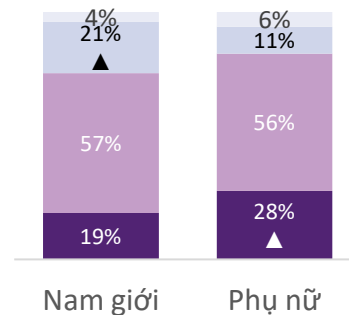
Indonesia



Philippines



Việt Nam



■ Tôi sử dụng phần lớn chế độ làm việc linh hoạt
 ■ Làm việc linh hoạt như nhau
 ■ Vợ/chồng tôi sử dụng phần lớn chế độ làm việc linh hoạt
 ■ Không xác định

■ Phụ nữ
 ■ Nam giới
 ■ Như nhau

■ Đồng ý
 ■ Không đồng ý

▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê giữa các giới ở mức 95% C.I.

HÀNH ĐỘNG



Phân khúc: Giới thiệu và Giải thích

Phân tích phân khúc dựa trên dữ liệu khảo sát đã xác định các nhóm riêng biệt trong mỗi quốc gia và giới dựa trên nhân khẩu học xã hội và hành vi khuôn mẫu giới của họ, bao gồm các đặc điểm như tình trạng có con cái, việc làm, tuổi tác, trình độ học vấn, tôn giáo và thái độ khuôn mẫu giới. Các nhóm này sau đó được vẽ trên thang đo từ thái độ và hành vi truyền thống đến tiến bộ trên 04 khuôn mẫu giới. Sau đó, các nhóm được đánh giá và đặt tên dựa trên vị trí tương đối của họ trên thang đo khuôn mẫu giới.

Phân tích phân khúc lần đầu tiên được thực hiện vào năm 2020 ở cả nam giới và phụ nữ ở từng quốc gia và được lặp lại vào năm 2022. Tên của các phân khúc được đưa ra vào năm 2020 và các tên tương tự được tham chiếu vào năm 2022 để rút ra kết quả so sánh trực tiếp. Trang trình chiếu tiếp theo sẽ giới thiệu các phân khúc, tỷ lệ và vị trí tương đối của chúng trên phổ thái độ. Những phần có màu tối hơn đại diện cho các phân khúc thể hiện thái độ và niềm tin mang tính truyền thống hơn, và phần sáng màu hơn đại diện cho các phân khúc tiến bộ hơn.

Biểu đồ trên trang tiếp theo mô tả thái độ khuôn mẫu giới trên thanh trượt được tính trung bình trên 04 khuôn mẫu. Không phải lúc nào các phân khúc cũng xuất hiện theo thứ tự dự kiến từ màu tối đến màu sáng và tên phân khúc có thể không phản ánh hoàn toàn các hành vi và thái độ trong năm 2022. Dưới đây là một số cách giải thích cho điều này:

- Việc trung bình hóa thái độ và hành vi trên 04 khuôn mẫu giới ở biểu đồ có thể ít nhiều che khuất thái độ và hành vi tiến bộ trên mỗi khuôn mẫu.
- Mô hình phân khúc được xây dựng cho đợt khảo sát SNAP 2020. Suy luận thống kê đã được sử dụng để phân loại những người trả lời khảo sát SNAP 2022 theo mô hình phân khúc SNAP 2020. Điều này dẫn đến tình trạng phần nào thiếu chính xác trong việc phân loại người trả lời khảo sát.
- Mô hình phân khúc không nhằm xác định các phân khúc có thái độ hoặc hành vi khuôn mẫu giới riêng biệt, mà để xác định các nhóm liên kết và sau đó biểu diễn trực quan các nhóm này theo thái độ và hành vi của họ.
- Trong các phân khúc này, thái độ và hành vi khuôn mẫu giới có thể đã thay đổi một cách có ý nghĩa ở một hoặc nhiều khuôn mẫu từ năm 2020 đến năm 2022. Tuy nhiên, màu sắc và tên từ năm 2020 được giữ lại vào năm 2022 với mục đích so sánh.

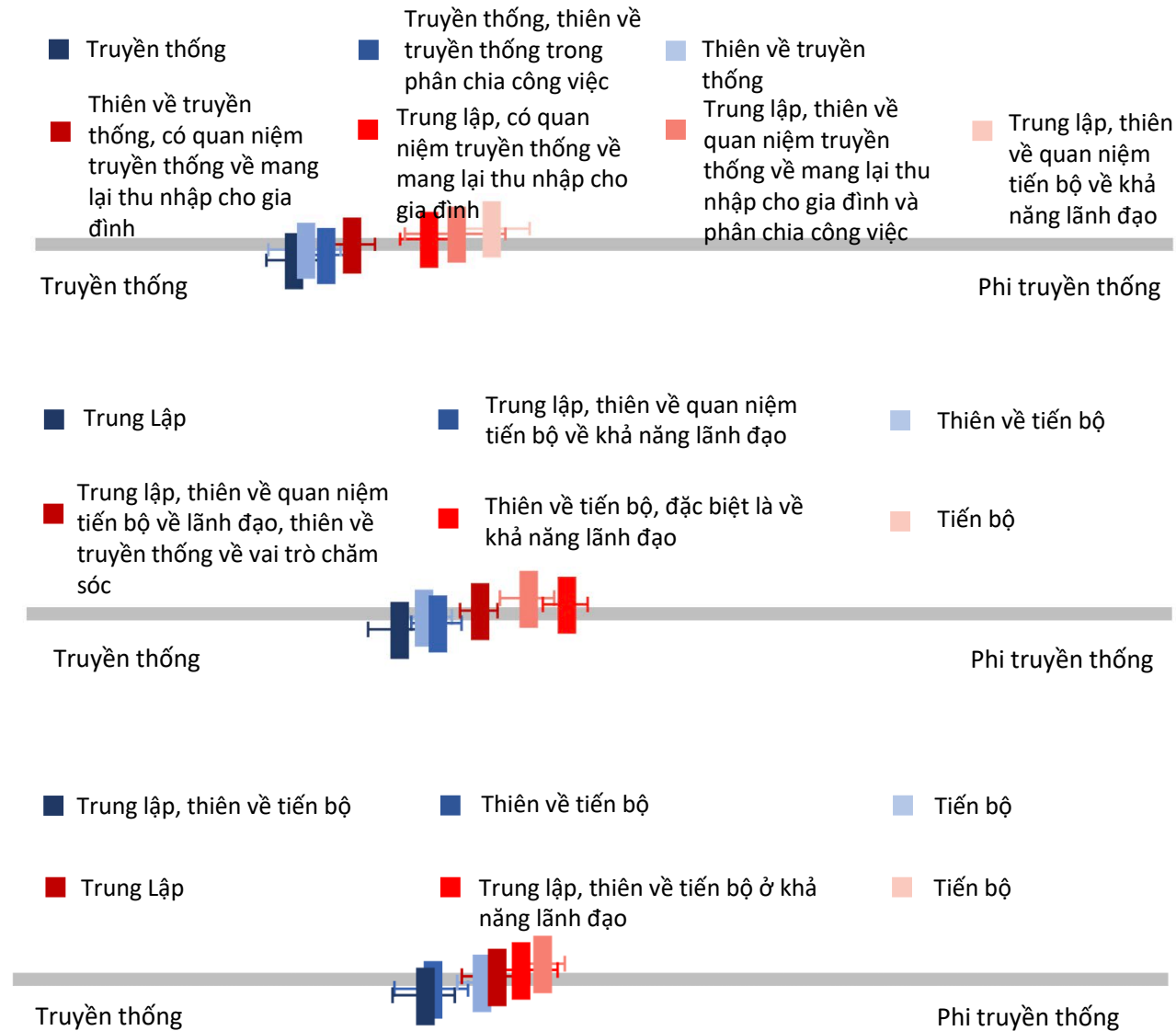
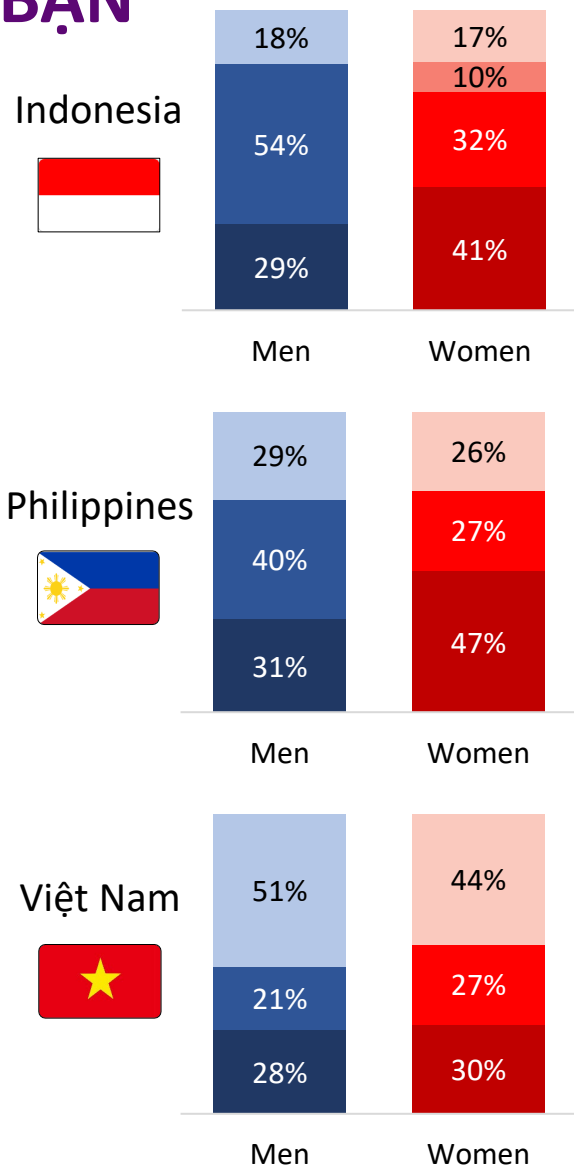


Nhận thấy rằng thể hệ Y sống tại thành thị không phải là một nhóm đồng nhất, YouGov đã sử dụng một mô hình phân tích phân khúc riêng biệt ở phụ nữ và nam giới ở Indonesia, Philippines và Việt Nam. Việc phân khúc này tạo điều kiện để thấu hiểu các nhóm nam và nữ khác nhau ở mỗi quốc gia trong số 03 quốc gia này, có sự thay đổi theo câu trả lời từ truyền thống tới tiến bộ của họ trong 04 khuôn mẫu giới.

Hầu hết các phân khúc ở Indonesia tập trung vào phần truyền thống trên thang đo, trong khi các phân khúc ở Philippines và Việt Nam có thái độ từ trung lập hơn đến tiến bộ hơn. **Biểu đồ thang đo cho thấy thái độ trung bình trên 04 khuôn mẫu giới.**

Phân tích phân khúc cho thấy, so với nam giới, phụ nữ thường thể hiện thái độ tiến bộ hơn. Ở Indonesia, phân khúc phụ nữ truyền thống nhất thể hiện sự tiến bộ ngang bằng phân khúc nam giới tiến bộ nhất. Các phân khúc phụ nữ Philippines tiến bộ hơn nam giới Philippines. Ở Việt Nam, phân khúc nam giới tiến bộ nhất tương đương với phân khúc phụ nữ truyền thống nhất. Những phụ nữ có con trong một số phân khúc thiên về truyền thống và trung lập ở Indonesia và Việt Nam thể hiện mong muốn bình đẳng hơn trong trách nhiệm chăm sóc con cái và ngày càng ít bị chông chỉ trích vì đã đề xuất thay đổi này.

BIẾT PHÂN KHÚC CỦA BẠN



Biểu đồ: Phân khúc thể hệ Y sống tại thành thị ở Indonesia, Philippines và Việt Nam. Thanh trượt đại diện cho mức trung bình của thái độ ở những phép đo. ▲▼ Thể hiện ý nghĩa thống kê từ năm 2020 ở mức 95% C.I.

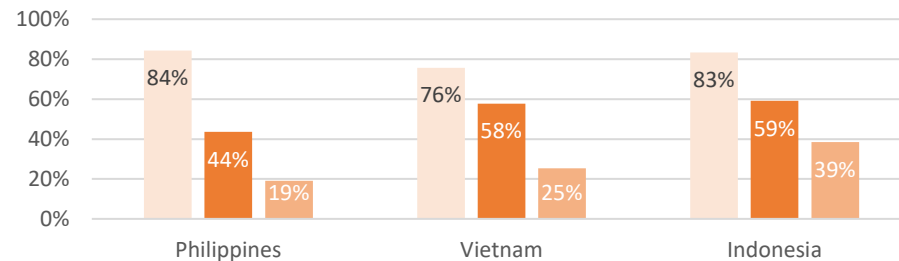
HỖ TRỢ NHỮNG NGƯỜI TIÊN PHONG

Có sự vô tri đa nguyên (pluralistic ignorance) ở những người thuộc thế hệ Y sống tại thành thị ở Philippines và Việt Nam về việc có bao nhiêu hộ gia đình vẫn thực hành các khuôn mẫu truyền thống.

Sơ đồ dưới đây cho thấy 08/10 người thuộc thế hệ Y tại thành thị ở Philippines, Việt Nam và Indonesia nghĩ rằng hầu hết các hộ gia đình đều tuân theo các khuôn mẫu truyền thống về phụ nữ chịu trách nhiệm chăm sóc con cái. Mặc dù đúng là phần lớn phụ nữ cho biết họ đảm nhận trách nhiệm nhiều nhất trong việc chăm sóc con cái ở Việt Nam và Indonesia, nhưng điều này không đúng ở Philippines nơi chỉ có 44% trả lời như vậy.

Một động lực tương tự của sự vô tri đa nguyên tồn tại ở Philippines và Việt Nam về trụ cột gia đình. Trái ngược với niềm tin hiện có, ít hơn một nửa số nam giới cho biết đảm nhận nhất nhiều nhất trách nhiệm trụ cột gia đình ở các quốc gia này. Ở Indonesia, phần lớn mọi người cho rằng các hộ gia đình khác phân chia trách nhiệm trụ cột gia đình theo kiểu truyền thống, mặc dù chỉ có 2/3 số người được hỏi xác nhận điều này diễn ra trong gia đình họ.

Tỷ lệ chia sẻ **trách nhiệm chăm sóc con cái**

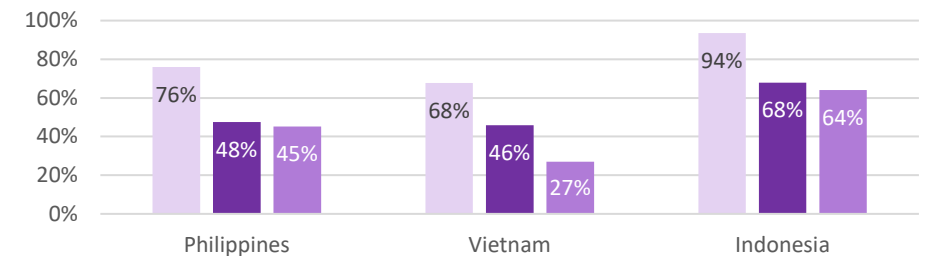


- Quan niệm: Tôi cho rằng ở phần lớn các hộ gia đình khác, phụ nữ thực hiện trách nhiệm chăm sóc con cái nhiều hơn
- Thực tế: Số người trả lời là phụ nữ thực hiện hầu hết trách nhiệm chăm sóc con cái
- Thực tế: Số người trả lời là nam giới có vợ thực hiện hầu hết trách nhiệm chăm sóc con cái

Các chiến dịch thay đổi khuôn mẫu giới có thể làm nổi bật các thực hành phi truyền thống phổ biến về chăm sóc ở Philippines và trách nhiệm trụ cột gia đình ở Philippines và Việt Nam và khuyến khích nhiều người thuộc thế hệ Y tại thành thị áp dụng các thực hành công bằng hơn.

Phân tích hồi quy cho thấy vai trò quan trọng của các phương tiện truyền thông tiến bộ ở Việt Nam và Indonesia đối với trách nhiệm chăm sóc và trụ cột gia đình và ở Philippines đối với trách nhiệm chăm sóc, với kết quả khác nhau tùy theo quốc gia và giới về việc liệu phương tiện truyền thông mô tả hành vi trong gia đình hay tại nơi làm việc có tác động nhiều hơn hay không.* Nếu các phương tiện truyền thông có thể bài trừ sự vô tri đa nguyên và nâng cao nhận thức rằng phần lớn mọi người đang phân chia trách nhiệm chăm sóc con cái và trụ cột gia đình một cách bình đẳng thì các phương tiện truyền thông có thể tạo đòn bẩy bổ sung về hành vi tiến bộ.

Tỷ lệ chia sẻ **trách nhiệm trụ cột gia đình**



- Quan niệm: Tôi cho ở phần lớn các hộ gia đình khác, nam giới chịu trách nhiệm trụ cột gia đình nhiều hơn
- Thực tế: Số người trả lời là nam giới thực hiện hầu hết trách nhiệm trụ cột gia đình
- Thực tế: Số người trả lời là phụ nữ có chồng thực hiện hầu hết trách nhiệm trụ cột gia đình

*Xem phân tích hồi quy trong Phụ lục 5, Mô hình 2 để biết chi tiết.



Phân tích hồi quy qua 04 khuôn mẫu giới cho thấy các yếu tố đặc trưng sau đây ở thế hệ Y tại thành thị có nhận thức tiến bộ về giới*:

- Trong quá trình được nuôi dưỡng, họ thấy cha mẹ thực hành các khuôn mẫu giới tiến bộ trong gia đình.** Những người thuộc thế hệ Y sống tại thành thị có thể hành xử tiến bộ hơn nếu, lúc còn nhỏ, họ thấy cha mẹ họ hành xử tiến bộ hơn về trách nhiệm chăm sóc con cái và mang lại thu nhập cho gia đình. Tại Việt Nam, phụ nữ có **tấm gương cha mẹ bình đẳng thì cũng sẽ có các hành vi bình đẳng hơn trên tất cả các khuôn mẫu ngoại trừ trụ cột gia đình, còn ở nam giới thì tấm gương cha mẹ liên kết với trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng hơn.** Tại Philippines, tấm gương cha mẹ bình đẳng liên quan mật thiết tới trách nhiệm chăm sóc bình đẳng hơn ở phụ nữ và trụ cột gia đình ở nam giới. Tại Indonesia, tấm gương cha mẹ bình đẳng liên quan tới với hành vi bình đẳng hơn ở nam giới trong trách nhiệm chăm sóc và trụ cột gia đình và đối với phụ nữ trong trách nhiệm trụ cột gia đình và lãnh đạo. Trên khắp các quốc gia và giới, tác động của việc người cha chia sẻ trách nhiệm chăm sóc thường liên quan mật thiết đến các hành vi tiến bộ hơn so với người mẹ chia sẻ trách nhiệm trụ cột gia đình.
- Họ tuân thủ các khuôn mẫu giới tiến bộ tại nơi làm việc.** Thế hệ Y sống tại thành thị thường ít thể hiện sự ưu tiên về giới của cấp trên nếu họ thấy những nơi làm việc mà tại đó, lãnh đạo thể hiện sự cân bằng giới tính bình đẳng hoặc tiến bộ (mà không kiểm soát bất kỳ yếu tố giải thích nào khác).
- Họ theo dõi các phương tiện truyền thông tiến bộ.** Những người thuộc thế hệ Y tại thành thị có thể hành xử tiến bộ hơn nếu họ quan sát thấy vai trò bình đẳng hơn về giới trong gia đình trên các phương tiện truyền thông (điều này đã được quan sát trên tất cả các khuôn mẫu đối với nam và nữ ngoại trừ phân chia công việc và thu nhập gia đình ở phụ nữ ở Indonesia, trụ cột gia đình ở nam giới và phụ nữ ở Philippines và phụ nữ ở Indonesia, và trách nhiệm chăm sóc ở nam giới Việt Nam). Ở tất cả quốc gia, những nam giới tiêu thụ nội dung truyền thông về vai trò giới tiến bộ tại nơi làm việc thường xuyên thể hiện hành vi cá nhân tiến bộ hơn so với những nam giới tiêu thụ nội dung truyền thông về vai trò giới tiến bộ ở gia đình. Đối với nam giới, các phương tiện truyền thông tập trung vào công việc liên kết với hành vi tiến bộ trên 3/4 khuôn mẫu đối với nam giới ở Philippines và Việt Nam, và 2/4 khuôn mẫu ở Indonesia, trong khi các nội dung về hành vi tiến bộ ở gia đình chỉ liên kết với hành vi tiến bộ ở Indonesia (về các khuôn mẫu chăm sóc và trụ cột gia đình). Trên khắp các quốc gia khảo sát, các phương tiện truyền thông tiến bộ mô tả vai trò giới ở nhà thường mang lại hiệu quả với người xem là phụ nữ hơn nam giới.
- Tuổi tác đóng một vai trò quan trọng.** So với năm 2020, phân tích hồi quy cho thấy các đặc điểm cá nhân như giáo dục và tôn giáo không dẫn đến các hành vi bình đẳng hơn.* Theo phân tích năm 2022, tuổi tác đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là ở Việt Nam. Nam giới dưới 30 tuổi ở Việt Nam hành xử bình đẳng hơn về các khuôn mẫu giới trong công việc, trong khi phụ nữ dưới 30 tuổi ở Việt Nam hành xử bình đẳng hơn trong trách nhiệm chăm sóc nhưng ít bình đẳng hơn trong trách nhiệm trụ cột gia đình. Tuổi tác cũng đóng vai trò quan trọng ở Philippines - nam giới dưới 30 tuổi ở Philippines có hành vi bình đẳng hơn so với những người trên 30 tuổi. Tuổi tác cũng gián tiếp đóng một vai trò trong hành vi trụ cột gia đình ở phụ nữ Philippines. Một trong những trường hợp duy nhất mà phân tích hồi quy cho thấy hành vi cá nhân có mối liên quan tới thái độ cá nhân là trách nhiệm trụ cột gia đình ở phụ nữ Philippines. Những người dự đoán về thái độ gia tăng tiến bộ hơn ở phụ nữ Philippines là những người dưới 30 tuổi và không chăm sóc trẻ em hoặc người lớn tuổi.

- Thế hệ Y sống tại thành thị có nhận thức 'tiến bộ về giới' có xu hướng ủng hộ sự bình đẳng giữa nam và nữ trong 04 khuôn mẫu hoặc chấp nhận các vai trò được "chuyển đổi" từ khuôn mẫu truyền thống*
- *Không theo tôn giáo là một yếu tố quan trọng trong việc dự đoán thái độ tiến bộ hơn đối với một số khuôn mẫu ở Philippines đối với nam giới và ở Indonesia đối với nam giới và phụ nữ, nhưng thái độ cá nhân hiếm khi liên quan đến hành vi cá nhân tiến bộ hơn.*



Phân tích phân khúc xác định các khu vực **lệch chuẩn tích cực (positive deviance) trong các phân khúc truyền thống**. Những người lệch chuẩn tích cực (positive deviant) tạo thành các nhóm nhỏ trong các phân khúc, các nhóm này thể hiện thái độ hoặc hành vi trái ngược với các mô hình phổ biến trong phân khúc đó. Chúng tôi chú ý đến các yếu tố có ý nghĩa thống kê phân biệt nhóm này với những nhóm còn lại trong phân khúc. Những yếu tố này có thể không có ý nghĩa trong phân tích hồi quy – phân tích hồi quy kiểm soát các yếu tố tương quan tiềm năng khác và được tiến hành trên tổng mẫu quốc gia. Nói cách khác, những lời giải thích cho những người lệch chuẩn tích cực mang tính "giai thoại" hơn và có thể đại diện cho các yếu tố liên quan khác, và sự năng động trong nhóm nhỏ này có thể không diễn ra ở toàn bộ đất nước. Tuy nhiên, những phát hiện này có thể giúp tinh chỉnh thông điệp nhằm vào các nhóm tư tưởng cụ thể và giúp xác định các nhóm có khả năng được thuyết phục trong các phân khúc truyền thống. Phân tích phân khúc cho thấy:

- **Trách nhiệm chăm sóc:** Ở Việt Nam, phụ nữ trong phân khúc "Trung lập" có khuynh hướng tích cực trong việc chăm sóc thường trẻ hơn so với chồng của họ. Họ cũng thường là những người chưa có con. Trong phân khúc gần với phân khúc phụ nữ truyền thống nhất, những người "Trung lập, tiến bộ về lãnh đạo" thường có nhiều con hơn những người khác trong phân khúc. Những phụ nữ lệch chuẩn tích cực trong cả hai nhóm có xu hướng nhìn thấy những nội dung tiến bộ về trách nhiệm chăm sóc trên các phương tiện truyền thông. Ở Indonesia, những người lệch chuẩn tích cực về trách nhiệm chăm sóc trong phân khúc nam và nữ truyền thống nhất đều thường thấy cha mẹ là tấm gương về trách nhiệm chăm sóc bình đẳng hơn so với những người khác. Phụ nữ Indonesia trong phân khúc truyền thống nhất cũng chiếm tỷ lệ có việc làm cao hơn so với các phụ nữ truyền thống khác.
- **Trách nhiệm trụ cột gia đình:** Những người lệch chuẩn tích cực về trách nhiệm trụ cột gia đình giữa các phân khúc nam giới truyền thống hơn đều có xu hướng tiếp xúc với những nội dung tiến bộ hơn về vai trò giới trên các phương tiện truyền thông. Họ thường ít có khả năng là người làm việc toàn thời gian. Ở Indonesia, những người lệch chuẩn tích cực trong phân khúc "Truyền thống" thường chưa có con. Ở cả ba quốc gia, những người lệch chuẩn tích cực trong phân khúc nam giới truyền thống nhất có nhiều khả năng sống với bạn đời nhưng không/chưa kết hôn. Ở Philippines, những nam giới truyền thống quan niệm về trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng có xu hướng trẻ hơn và có cha mẹ là tấm gương về trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng. Phụ nữ trong phân khúc truyền thống nhất ở Indonesia cũng thường chưa có con và có nhiều khả năng có cha mẹ là tấm gương về trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng và thấy các đại diện tiến bộ về vai trò giới trên các phương tiện truyền thông.
- **Vai trò lãnh đạo:** Có nhiều mối liên hệ với sự lệch chuẩn tích cực trong niềm tin rằng nam giới phù hợp hơn với vai trò lãnh đạo. Trên khắp các quốc gia và giới, yếu tố phổ biến nhất phân biệt những người lệch chuẩn tích cực với những người khác về lãnh đạo là tỷ lệ nhìn thấy các nội dung tiến bộ về vai trò giới trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt là các nội dung về lãnh đạo. Ở Indonesia, những nam giới "truyền thống" và "thiên về truyền thống" thường là những người làm việc toàn thời gian hơn so với những người khác. Những người lệch chuẩn tích cực trong phân khúc "thiên về truyền thống, quan niệm truyền thống về thu nhập gia đình" ở phụ nữ Indonesia thường không phải là người làm việc toàn thời gian và thường có cha mẹ chia sẻ trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng. Những người lệch chuẩn tích cực trong cùng nhóm này và những nam giới "truyền thống, thiên về phân chia công việc theo cách truyền thống" ở Indonesia thường có tỷ lệ có bằng đại học cao hơn những người khác trong cùng nhóm. Những nam giới này thường không phải là người Hồi giáo. Ở Philippines, những người lệch chuẩn tích cực trong số những nam giới "Trung lập" có xu hướng trẻ hơn, và những nam giới "Trung lập, có quan niệm tiến bộ về lãnh đạo" thường không độc thân và thường không theo tôn giáo.

KẾT LUẬN – ĐÒN BẨY CHO SỰ THAY ĐỔI

Trách nhiệm chăm sóc

- Trong số những người chia sẻ trách nhiệm chăm sóc con cái một cách không bình đẳng, phần lớn phụ nữ Indonesia và đặc biệt là phụ nữ Việt Nam muốn chồng của họ chia sẻ công việc nhiều hơn trong khi ở các quốc gia mà phần lớn nam giới có bạn đời thực hiện trách nhiệm chăm sóc nhiều hơn hài lòng với sự phân bổ chăm sóc con cái không bình đẳng. Những phụ nữ chịu trách nhiệm chăm sóc nhiều hơn ở Philippines cũng hài lòng với sự phân chia công việc chăm sóc con cái hiện có. Ở Indonesia và Philippines, các phương tiện truyền thông và những người quen biết có thể gây áp lực xã hội để khuyến khích nam giới thừa nhận những cách phân chia công việc chăm sóc bình đẳng hơn. Phân tích hồi quy cho thấy những đòn bẩy này có hiệu quả trong việc thay đổi hành vi đối với nam giới ở Indonesia và Philippines.
- Phân tích hồi quy chỉ ra rằng ở Việt Nam, áp lực xã hội đối với nam giới không hiệu quả vì các đại diện truyền thông tiến bộ và quan sát về hành vi của người khác không thúc đẩy nam giới có hành vi chăm sóc bình đẳng hơn. Truyền thông tiến bộ chỉ liên quan đến những thỏa thuận chăm sóc bình đẳng hơn ở phụ nữ. Tuy nhiên, có một sự phân hóa, theo đó phụ nữ Việt Nam muốn chồng mình làm việc nhà nhiều hơn, trong khi một nửa số nam giới có vợ làm việc nhiều hơn cho rằng đó là điều vợ họ mong muốn. Các chiến dịch truyền thông lấy phụ nữ là mục tiêu để vận động cho trách nhiệm chăm sóc bình đẳng hơn có thể có hiệu quả trong việc thay đổi tình trạng này.

Trách nhiệm trụ cột gia đình

- Ở tất cả các quốc gia, thái độ về trách nhiệm trụ cột gia đình mang tính truyền thống hơn là thái độ về trách nhiệm chăm sóc. Ở Philippines và Indonesia, các hành vi về trách nhiệm trụ cột gia đình cũng mang tính truyền thống hơn là trách nhiệm chăm sóc. Ở Indonesia, phụ nữ tiến bộ có thái độ tiến bộ hơn nhiều so với nam giới truyền thống, và đây là bức tranh khá phổ biến ở nước này. Các phân khúc phụ nữ Philippines tiến bộ hơn cũng vượt xa nam giới về thái độ phi truyền thống của họ đối với trách nhiệm trụ cột gia đình. Nên khuyến khích những thái độ này ở phụ nữ Philippines vì đây là một trong những trường hợp duy nhất mà phân tích hồi quy cho thấy thái độ liên quan đáng kể đến hành vi chia sẻ trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng hơn.
- Việt Nam tiếp tục là quốc gia có tỷ lệ việc làm cao nhất trong số những nam giới và phụ nữ thuộc thế hệ Y ở thành thị và tỷ lệ chia sẻ trách nhiệm trụ cột gia đình bình đẳng cao nhất (53%), nhưng chỉ có 53% cặp vợ chồng chia sẻ công việc chăm sóc như nhau so với 61% ở Philippines. Sự tham gia cao của phụ nữ trong lực lượng lao động và tỷ lệ trách nhiệm chăm sóc cao của phụ nữ tiếp tục giải thích một khoảng cách về sự hài lòng – những người làm mẹ trong các gia đình mà trách nhiệm chăm sóc không được phân chia bình đẳng mong muốn người cha chia sẻ công việc nhiều hơn. Việc thúc đẩy chế độ làm việc linh hoạt có thể dẫn đến sự bình đẳng hơn trong cả hai khuôn mẫu trách nhiệm trụ cột gia đình và chăm sóc. Việt Nam cho thấy sự cởi mở với làm việc linh hoạt. 80% người lao động tiếp cận các lựa chọn làm việc linh hoạt và phần lớn coi đó là một lựa chọn cho cả nam và nữ.
- Thực hiện nhiều công việc linh hoạt hơn là một lựa chọn của cả nam giới và phụ nữ phải đối mặt với áp lực gia đình gia tăng ở nhà do COVID. Ở Philippines và Indonesia, phụ nữ có nhiều trách nhiệm gia đình hơn do COVID đã làm nhiều công việc linh hoạt hơn, trong khi tỷ lệ làm việc linh hoạt ở những nam giới dành nhiều thời gian hơn cho các trách nhiệm gia đình ngang bằng so với những người không dành nhiều thời gian hơn.



Phân chia công việc

- Những người trả lời khảo sát thấy rằng thái độ và hành vi phân chia công việc đang có xu hướng ít bình đẳng hơn ở tất cả các quốc gia và tất cả các giới, ngoại trừ việc theo quan sát của phụ nữ Philippines, sự phân chia công việc trong cộng đồng của họ ở mức ngang bằng với năm 2020. May mắn thay, phân tích hồi quy cho thấy có vẻ như hành vi cá nhân của một người không liên quan đến thái độ và hành vi mà người đó quan sát thấy ở những người khác trên khuôn mẫu phân chia công việc. Hành vi cá nhân về phân chia công việc nằm ở mức không thay đổi (ở nam giới và phụ nữ Indonesia và nam giới Việt Nam) hoặc có xu hướng bình đẳng hơn (ở nam giới và phụ nữ Philippines và phụ nữ Việt Nam).
- Trên khắp các quốc gia, ngay cả các phân khúc phụ nữ có thái độ tiến bộ hơn đối với các khuôn mẫu khác cũng thể hiện thái độ tương tự với các phân khúc truyền thống hơn về khuôn mẫu phân chia công việc.
- Đối với cả ba quốc gia, phân tích hồi quy xác định phương tiện truyền thông là một đòn bẩy khả thi để thay đổi hành vi về phân chia công việc đối với nam giới và đối với phụ nữ ở Philippines và Việt Nam.

Vai trò lãnh đạo

- Indonesia có thái độ và hành vi về vai trò lãnh đạo mang tính truyền thống nhất trong tất cả các quốc gia. Thế hệ Y tại thành thị ở Việt Nam có thái độ tương đối tiến bộ về lãnh đạo, nhưng có xu hướng bổ nhiệm lãnh đạo chủ yếu là nam giới trong thực tế. Ở Philippines, thái độ tiến bộ về lãnh đạo có xu hướng phù hợp với thực tế - phần lớn các vai trò lãnh đạo có sự đại diện gần như bằng nhau của nam giới và phụ nữ.
- Đối với khuôn mẫu lãnh đạo thì thái độ, hành vi được quan sát và hành vi cá nhân nằm ở mức ổn định hoặc có xu hướng bình đẳng hoặc tiến bộ hơn ở tất cả các quốc gia và các giới, ngoại trừ nam giới Indonesia và Việt Nam. Đối với nam giới Indonesia, những người trả lời khảo sát thấy rằng cả thái độ và hành vi cá nhân trong cộng đồng của họ có xu hướng kém bình đẳng hơn vào năm 2022 so với năm 2020. Đối với nam giới Việt Nam, các hành vi cá nhân về khuôn mẫu lãnh đạo đang có xu hướng ít bình đẳng hơn.
- Phân tích hồi quy cho thấy ở cả Indonesia và Việt Nam, những ví dụ về lãnh đạo mà nam giới quan sát được trong đời sống xung quanh và trên các phương tiện truyền thông đều ảnh hưởng đến hành vi lãnh đạo của nam giới. Các nội dung mô tả tiến bộ về vai trò giới trên các phương tiện truyền thông có liên quan đến sự lệch chuẩn tích cực đối với khuôn mẫu này trong các phân khúc nam giới truyền thống hơn. Các chiến dịch truyền thông nên tìm cách ngăn chặn tình trạng hành vi ngả theo hướng truyền thống hơn.

Nhằm mục tiêu chiến dịch truyền thông

- Hiệu quả của các thông điệp truyền thông tiến bộ trong việc thay đổi hành vi có sự khác nhau theo từng quốc gia. Có mối liên hệ giữa việc tiêu thụ các nội dung truyền thông tiến bộ với hành vi bình đẳng hơn ở nam giới và phụ nữ trong tất cả các khuôn mẫu giới ngoại trừ trách nhiệm chăm sóc ở Việt Nam, và ở tất cả các khuôn mẫu giới ngoại trừ trách nhiệm trụ cột gia đình ở Philippines. Ở Indonesia, điều này tương quan với hành vi bình đẳng hơn về các khuôn mẫu chăm sóc và lãnh đạo ở nam giới và phụ nữ, cũng như vai trò người trụ cột trong gia đình và phân chia công việc ở nam giới.
- Nói chung, việc tiêu thụ các nội dung truyền thông về các khuôn mẫu giới về công việc liên quan đến hành vi bình đẳng hơn về phân chia công việc và lãnh đạo. Những thông điệp như vậy cũng liên quan đến hành vi bình đẳng hơn trong trách nhiệm chăm sóc ở nam giới Philippines và trách nhiệm trụ cột gia đình ở nam giới Việt Nam. Nhưng cách phương tiện truyền thông tiến bộ mô tả vai trò giới trong gia đình có liên quan đến hành vi chăm sóc bình đẳng hơn đối với phụ nữ (cũng như nam giới ở Indonesia) và bình đẳng hơn về trách nhiệm trụ cột gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam.

Nguồn Thông tin Bổ sung

- Nội dung các phụ lục báo cáo:
 - Phụ lục 1: Giải thích chi tiết về phương pháp hồi quy và kết quả
 - Phụ lục 2: Phân phối nhân khẩu học của mẫu nói chung và của từng phân khúc
 - Phụ lục 3: Đối với mỗi quốc gia, tổng quan cụ thể về khuôn mẫu của phân khúc và phân bố dân số theo từng phân khúc
 - Phụ lục 4: Chi tiết và lưu ý về so sánh xu hướng năm 2018 và 2022
 - Phụ lục 5: Ngôn ngữ và kích thước mẫu cho các câu hỏi khảo sát được tóm tắt trong báo cáo chính
 - Phụ lục 6: Bảng giải thích thuật ngữ
- Nội dung của Bộ công cụ quốc gia dành cho người thiết kế:
 - Những phát hiện chính
 - Đánh giá xu hướng 2018-2022
 - Tổng quan về phân chia phân khúc và kết quả phân chia về thái độ và hành vi
 - Giới thiệu khái quát về các phân khúc
 - Hồ sơ chi tiết của từng phân khúc và các cơ hội chiến lược liên quan

PHƯƠNG PHÁP

Dân số mục tiêu: Người trưởng thành [Việt Nam / Philippines / Indonesia] từ 18 đến 40 tuổi

Ngày phỏng vấn:

- Việt Nam: Ngày 7-16/11/2022
- Philippines: Ngày 3-10/11/2022
- Indonesia: Ngày 7-14/11/2022

Số người trả lời: N=1000 nam và N=1000 nữ ở mỗi quốc gia

Biên độ sai số cho mỗi quốc gia:

- Việt Nam: +/- 2,42%
- Philippines: +/- 2,28%
- Indonesia: +/- 2,29%

Hình thức khảo sát: Khảo sát trực tuyến trên trang web

Ngôn ngữ khảo sát: Indonesia – tiếng Bahasa, Philippines – tiếng Anh, Việt Nam – tiếng Việt

Thời lượng: 15 phút

Nội dung:

Tác động của COVID

Thái độ và hành vi giới

- Tại nơi làm việc: Các khuôn mẫu về phân chia công việc và lãnh đạo; nhận thức mang tính định giới về vai trò trong công việc
- Trong gia đình: Các khuôn mẫu về vai trò chăm sóc và trụ cột trong gia đình; nhận thức mang tính định giới về vai trò trong gia đình

Đối sánh và trọng số: Khảo sát đối sánh và trọng số của YouGov bắt đầu với một khung dân số đại diện cho dân số từ 18 đến 40 tuổi của quốc gia đó. Những người trả lời khảo sát khớp với khung lấy mẫu về giới và tuổi tác. Mẫu đã khớp được so với hướng dẫn lấy mẫu bằng cách sử dụng trọng số điểm xuất phát (propensity score weighting) theo độ tuổi, giới và khu vực. Tiếp theo, các trọng số được cân bằng dựa trên cấu trúc phân tầng theo 03 khía cạnh: giới, khu vực và độ tuổi. Tập dữ liệu đã khớp và có trọng số sau đó được đặt thành tập hợp con khi các lần hoàn thành đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu về dân số mục tiêu. Trọng số được cân bằng lại đến mức trung bình là 1 và được cắt ở mức 6.

Phân tích

Để phân tích dữ liệu khảo sát, các nhà nghiên cứu đã sử dụng cả phân tích hồi quy và phân tích phân khúc.

Phân tích hồi quy kiểm tra mối tương quan giữa thái độ và hành vi của tập thể và cá nhân trong khi phân tích phân khúc xác định các nhóm có thái độ khác biệt về vai trò giới. Cả hai phân tích đều tìm kiếm sự khác biệt đáng kể về tuổi tác, trình độ học vấn, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, tình trạng có con cái và trải nghiệm thời thơ ấu.

Năm 2022, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành phân tích phân khúc đã thực hiện trong năm 2020, phân chia thể hệ Y sống tại thành thị theo các nhóm từ những người có thái độ truyền thống hơn về vai trò giới cho đến những người có thái độ trung lập và tiến bộ hơn về bình đẳng giới. Năm 2020, các nhà nghiên cứu đã sử dụng phân tích nhân tố để xác định các đặc điểm dễ giải thích nhất và sau đó thực hiện phân cụm theo cấp độ dựa trên các biến được chọn như nhân khẩu học và thái độ liên quan đến vai trò giới trong gia đình và tại nơi làm việc. Xem trang tiếp theo để biết chi tiết về phương pháp được sử dụng trong việc nhân rộng phân tích phân khúc vào năm 2022.



Phương pháp phân khúc 2022

Vào năm 2020, YouGov đã tiến hành phân tích phân khúc - phân chia thể hệ Y sống tại thành thị theo các nhóm ở mỗi quốc gia và giới dựa trên thông tin nhân khẩu học - xã hội, bao gồm các đặc điểm như tình trạng có con cái, việc làm, tuổi tác, giáo dục và tôn giáo, và dựa trên thái độ của họ về vai trò giới trong gia đình và tại nơi làm việc. Các nhà nghiên cứu đã sử dụng phân tích nhân tố để xác định các đặc điểm định danh nhóm và sau đó thực hiện phân cụm theo cấp độ dựa trên các biến đã chọn. Các phân khúc được đặt tên theo cách mà các phân khúc này nằm ở mức từ truyền thống tới tiến bộ về thái độ và hành vi trên 04 khuôn mẫu giới.

Để cho phép phân tích theo chiều dọc qua các khảo sát, các nhà nghiên cứu đã quyết định duy trì các nhóm và tên phân khúc trong SNAP 2022 tương tự như trong SNAP 2020. Để tái tạo phân khúc SNAP 2020 áp dụng cho người trả lời SNAP 2022, các nhà nghiên cứu đã bắt đầu với các biến đầu vào phân khúc được xác định duy nhất của SNAP 2020 cho mỗi nhóm (nam và nữ riêng biệt ở Indonesia, Philippines và Việt Nam, với tổng số 6 nhóm).

Sau đó, các nhà nghiên cứu đã sử dụng thuật toán Random Forest (RF) để sử dụng các biến đầu vào tương tự (~35) để dự đoán phân loại phân khúc từ SNAP 2020 làm biến kết quả trong Random Forest.

20 biến hàng đầu về độ tinh khiết của nút từ các phân tích RF đó đã được xác định và sử dụng làm biến đầu vào cho Phân tích phân biệt tuyến tính (LDA) để dự đoán phân loại phân khúc một lần nữa trên dữ liệu SNAP 2020, để đánh giá tỷ lệ chính xác. Kết quả LDA bao gồm "hệ số" gắn liền với mỗi biến, cho biết giá trị của mỗi người trả lời cho mỗi biến, cần thêm bao nhiêu vào điểm cho mỗi phân khúc – phân khúc có điểm cao nhất là phân khúc được chỉ định. Các hệ số tương tự cho mỗi biến đầu vào quan trọng này sau đó được lưu trữ và sử dụng để tính toán các phân khúc trên dữ liệu mới: người trả lời SNAP 2022. (Điều này làm cho phương pháp này trở thành một "công cụ gõ" hiệu quả để áp dụng các hệ số và phương trình cho các câu trả lời của từng cá nhân ngay lập tức, và thậm chí có thể thực hiện bằng tay nếu cần trên bất kỳ dữ liệu mới nào.)

Quá trình này được sử dụng cho 04 trong số 06 nhóm, nhưng đối với phụ nữ ở Indonesia và Việt Nam, các biến đầu vào này có khả năng phỏng đoán cao về các phân khúc trong bước LDA, nơi sự tách biệt gần như hoàn hảo đã ngăn cản mô hình hoạt động. Đối với hai nhóm này, thay vào đó, chúng tôi dừng lại ở bước thuật toán Random Forest, lưu mô hình ở đó và áp dụng mô hình RF để áp dụng mô hình SNAP vào dữ liệu năm 2022 để gán các phân khúc dữ liệu mới.

Chủ đề khảo sát

Khảo sát bao gồm các chủ đề sau:

Tác động của COVID:

- Thay đổi thu nhập và áp lực đối với người mang lại thu nhập cho gia đình và nguồn áp lực
- Thay đổi áp lực mang lại thu nhập cho gia đình với tư cách là người không có thu nhập và nguồn áp lực
- Thay đổi trách nhiệm gia đình của bản thân/vợ/chồng
- Thay đổi áp lực làm việc nhà và chăm sóc người phụ thuộc (trẻ em và người lớn phụ thuộc)
- Bình đẳng giới tại nơi làm việc và trong gia đình

Công việc và cuộc sống gia đình:

- Thời gian làm việc:
 - Phân chia công việc: Quan niệm cho rằng một số loại công việc cụ thể chỉ phù hợp với phụ nữ và một số công việc khác chỉ dành riêng cho nam giới
 - Lãnh đạo: Quan niệm về phụ nữ làm lãnh đạo
- Cuộc sống gia đình
 - Vai trò chăm sóc: Vai trò của phụ nữ với tư cách là người chăm sóc con cái và các thành viên trong gia đình, người làm nội trợ
 - Thu nhập gia đình: Quan niệm cho rằng vai trò của nam giới là người mang lại thu nhập/người nuôi gia đình
 - Đối với từng khuôn mẫu trong 04 khuôn mẫu:
 - Thái độ cá nhân
 - Các khuôn mẫu xã hội (những người khác nghĩ)
 - Các khuôn mẫu xã hội (tôi thấy những người khác)
 - Các hành vi cá nhân (không hỏi về các khuôn mẫu công việc nếu không có việc làm; nếu chưa có con hoặc còn độc thân thì hỏi về nguyện vọng về các khuôn mẫu gia đình)
 - Không chấp thuận, nguồn và tác động của việc không chấp thuận đối với hành vi phi truyền thống (nếu có – ví dụ: người có việc làm, có vợ/chồng, có con)
 - Lý do bố trí công việc bình đẳng/không bình đẳng tại nhà/nơi làm việc (ngoại trừ khuôn mẫu phân chia công việc)

Làm việc linh hoạt:

- Khuôn mẫu: Quan niệm cho rằng làm việc linh hoạt phục vụ cho người phụ nữ nhiều hơn nam giới
 - Thái độ cá nhân
 - Hành vi cá nhân (*tra cứu logic*)
 - Các khuôn mẫu xã hội (những người khác nghĩ)
- Tiếp cận các quy trình làm việc linh hoạt và các lý do chính để làm việc linh hoạt
- Mong muốn của bản thân/đối tác trong việc đưa ra các lựa chọn công việc linh hoạt hơn
- Không chấp thuận và nguồn từ chối thực hiện các lựa chọn công việc linh hoạt hơn

Tại nơi làm việc

- Lý do làm việc
- Lý do quan trọng nhất để làm việc
- Nguyện vọng thăng tiến

Các chủ đề khác:

- Nhận thức về các thuộc tính giới tại nơi làm việc và ở nhà
- Ưu tiên về giới của cấp trên
- Vai trò giới trong gia đình gốc cho bản thân và vợ/chồng
- Các kiểu thể hiện giới có thể thấy trên phương tiện truyền thông
- Tình trạng mối quan hệ trước COVID



YouGov®

INVESTING IN WOMEN
SMART ECONOMICS
AN INITIATIVE OF THE AUSTRALIAN GOVERNMENT

Australian
Aid 

IW là một sáng kiến của Chính phủ Australia nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng hòa nhập thông qua **trao quyền kinh tế** cho phụ nữ ở Đông Nam Á

www.investinginwomen.asia